

Số: **1082**/QĐ-ĐHTCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **02** tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc khen tặng danh hiệu sinh viên Khá toàn khóa Khóa 21D trình độ
đại học hình thức chính quy tốt nghiệp đợt 1 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Tài chính – Hải quan vào Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 2142/QĐ-ĐHTCM ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc ban hành Quy định công tác sinh viên hình thức chính quy tại Trường;

Căn cứ Quyết định số 2239/QĐ-ĐHTCM ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc ban hành Quy định về chế độ chính sách đối với sinh viên hình thức chính quy của Trường;

Căn cứ các Quyết định số 297/QĐ-ĐHTCM-QLĐT ngày 19 tháng 02 năm 2025 và Quyết định số 680/QĐ-ĐHTCM-QLĐT ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc công nhận tốt nghiệp đợt 1 năm 2025 cho sinh viên Khóa 18D, 19D, 20D, 21D và 22D trình độ đại học hình thức chính quy;

Căn cứ nội dung cuộc họp ngày 26 tháng 3 năm 2025 và Thông báo số 948/TB-ĐHTCM ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về kết luận của Chủ tịch hội đồng tại cuộc họp xét khen thưởng danh hiệu sinh viên năm 2024, danh hiệu sinh viên xuất sắc nhất Khoa năm 2024 và danh hiệu sinh viên toàn khóa cho sinh viên tốt nghiệp đợt 1 năm 2025;

Căn cứ kết quả đánh giá rèn luyện sinh viên toàn khóa học của sinh viên Khóa 21D trình độ đại học hình thức chính quy;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Khen **1.283** sinh viên Khóa 21D trình độ đại học hình thức chính quy đạt danh hiệu sinh viên Khá toàn khóa tốt nghiệp đợt 1 năm 2025. Cụ thể:

Stt	Khoa	Số lượng SV	Ghi chú
1	Khoa Kế toán - Kiểm toán	99	
2	Khoa Kinh tế - Luật	48	
3	Khoa Khoa học dữ liệu	56	
4	Khoa Marketing	181	
5	Khoa Ngoại ngữ	89	
6	Khoa Quản lý công - Bất động sản	129	
7	Khoa Quản trị kinh doanh	145	
8	Khoa Tài chính - Ngân hàng	217	
9	Khoa Thương mại và Du lịch	319	
	Tổng:	1.283	

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Sinh viên đạt danh hiệu sinh viên Khá toàn khóa được Nhà trường tặng Giấy khen và lưu vào hồ sơ của sinh viên.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) trưởng các khoa: Kế toán – Kiểm toán, Kinh tế – Luật, Khoa học dữ liệu, Marketing, Ngoại ngữ, Quản lý công – Bất động sản, Quản trị kinh doanh, Tài chính – Ngân hàng, Thương mại và Du lịch; Đoàn thanh niên; các phòng: Công tác sinh viên, Thanh tra – Pháp chế, Quản lý đào tạo, Khảo thí và Quản lý chất lượng và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 3;
- Website Trường;
- Lưu: VT, CTSV. ✓



Cao Tấn Huy

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT DANH HIỆU KHÁ TOÀN KHÓA
KHÓA 21D TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HÌNH THỨC CHÍNH QUY
TỐT NGHIỆP ĐỢT 1 NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 1082/QĐ-ĐHTCM ngày 02/4/2025)

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Khoa	KQHT	KQRL	Danh hiệu
1	2121012877	Hoàng Thị Quế	Chi	21DAC1	Khoa Kế toán - Kiểm toán	3,27	75,60	Khá
2	2121012476	Nguyễn Thanh	Hà	21DAC1	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,80	67,70	Khá
3	2121009353	Phạm Ngọc	Hạnh	21DAC1	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,78	75,60	Khá
4	2121012010	Nguyễn Thị Thu	Hiền	21DAC1	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,50	70,30	Khá
5	2121009310	Lê Minh Quý	Hồng	21DAC1	Khoa Kế toán - Kiểm toán	3,60	79,00	Khá
6	2121002576	Phạm Thái Quỳnh	Hương	21DAC1	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,91	88,10	Khá
7	2121002700	Huỳnh Thị Ngân	Khánh	21DAC1	Khoa Kế toán - Kiểm toán	3,12	74,70	Khá
8	2121013822	Bùi Khánh	Linh	21DAC1	Khoa Kế toán - Kiểm toán	3,08	94,00	Khá
9	2121009266	Huỳnh Ngọc	Ngà	21DAC1	Khoa Kế toán - Kiểm toán	3,04	88,70	Khá
10	2121013486	Hà Thị Hồng	Nhung	21DAC1	Khoa Kế toán - Kiểm toán	3,21	77,90	Khá
11	2121011601	Trần Phan Thanh	Phúc	21DAC1	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,98	90,40	Khá
12	2121009408	Võ Thị Thanh	Thanh	21DAC1	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,59	70,90	Khá
13	2121009184	Đỗ Thị	Thi	21DAC1	Khoa Kế toán - Kiểm toán	3,09	88,10	Khá
14	2121009347	Nguyễn Hoàng Phương	Trâm	21DAC1	Khoa Kế toán - Kiểm toán	3,09	80,10	Khá
15	2121009529	Lương Tố	Trinh	21DAC1	Khoa Kế toán - Kiểm toán	3,02	88,90	Khá
16	2121002641	Nguyễn Viết	Tùng	21DAC1	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,88	81,10	Khá
17	2121002567	Hà Triệu	Vy	21DAC1	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,61	75,50	Khá
18	2121009429	Nguyễn Hồ Xuân	Bình	21DAC2	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,72	75,40	Khá
19	2121009160	Thái Nhựt Mạnh	Khang	21DAC2	Khoa Kế toán - Kiểm toán	3,00	87,50	Khá
20	2121002662	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	21DAC2	Khoa Kế toán - Kiểm toán	3,01	70,70	Khá
21	2121009301	Phạm Gia	Nghiêm	21DAC2	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,83	78,90	Khá
22	2121009292	Nguyễn Thị Yên	Nhi	21DAC2	Khoa Kế toán - Kiểm toán	3,08	89,00	Khá
23	2121009271	Trần Thị Huỳnh	Nhur	21DAC2	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,92	89,30	Khá

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Khoa	KQHT	KQRL	Danh hiệu
24	2121012240	Hoàng Diệu	Thu	21DAC2	Khoa Kế toán - Kiểm toán	3,13	72,40	Khá
25	2121009346	Nguyễn Huỳnh Mỹ	Tiên	21DAC2	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,72	69,40	Khá
26	2121013208	Nguyễn Thị Mỹ	Trâm	21DAC2	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,84	75,50	Khá
27	2121008663	Dương Huỳnh Phượng	Uyên	21DAC2	Khoa Kế toán - Kiểm toán	3,13	86,80	Khá
28	2121013062	Lê Văn Thảo	Vy	21DAC2	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,95	83,60	Khá
29	2121009365	Trần Thúy	An	21DKT1	Khoa Kế toán - Kiểm toán	3,17	88,90	Khá
30	2121009264	Bùi Thị Huỳnh	Ân	21DKT1	Khoa Kế toán - Kiểm toán	3,46	77,50	Khá
31	2121009309	Vũ Thị Kim	Hồng	21DKT1	Khoa Kế toán - Kiểm toán	3,07	82,60	Khá
32	2121002612	Huỳnh Thị Mỹ	Lan	21DKT1	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,96	78,00	Khá
33	2121013008	Bùi Thị Ái	Ly	21DKT1	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,79	79,40	Khá
34	2121009215	Nguyễn Thị Kiều	Nga	21DKT1	Khoa Kế toán - Kiểm toán	3,30	68,50	Khá
35	2121009554	Lê Thị Ngọc	Như	21DKT1	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,68	83,40	Khá
36	2121009380	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	21DKT1	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,71	78,00	Khá
37	2121002675	Phạm Thị Ngọc	Thảo	21DKT1	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,95	85,20	Khá
38	2121009520	Đặng Phạm Lệ Quế	Trân	21DKT1	Khoa Kế toán - Kiểm toán	3,04	85,50	Khá
39	2121011385	Võ Ngọc Đoan	Trang	21DKT1	Khoa Kế toán - Kiểm toán	3,36	73,40	Khá
40	2121012782	Nguyễn Mộng	Tú	21DKT1	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,85	86,70	Khá
41	2121011340	Trần Thị Bích	Tuyền	21DKT1	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,98	78,60	Khá
42	2121002652	Đàm Ngọc	Vy	21DKT1	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,87	66,80	Khá
43	2121002578	Bùi Nguyễn Hải	Yến	21DKT1	Khoa Kế toán - Kiểm toán	3,22	78,50	Khá
44	2121009256	Đào Phương	Anh	21DKT2	Khoa Kế toán - Kiểm toán	3,15	89,80	Khá
45	2121002716	Trần Thị Mỹ	Dung	21DKT2	Khoa Kế toán - Kiểm toán	3,14	75,90	Khá
46	2121011612	Nguyễn Ngọc Như	Hảo	21DKT2	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,96	82,70	Khá
47	2121009109	Nguyễn Tuyết	Hoa	21DKT2	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,97	72,10	Khá
48	2121013016	Nguyễn Ngọc	Linh	21DKT2	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,87	87,20	Khá
49	2121013827	Huỳnh Thị Tường	Nghi	21DKT2	Khoa Kế toán - Kiểm toán	3,00	82,20	Khá
50	2121009549	Lê Thị Huỳnh	Như	21DKT2	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,94	80,90	Khá
51	2121002614	Đặng Ngọc	Phương	21DKT2	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,87	82,80	Khá
52	2121013704	Nguyễn Đình Nam	Phương	21DKT2	Khoa Kế toán - Kiểm toán	3,15	82,70	Khá

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Khoa	KQHT	KQRL	Danh hiệu
53	2121011481	Nguyễn Mai Phương	Thảo	21DKT2	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,82	79,10	Khá
54	2121009201	Nguyễn Thu	Thảo	21DKT2	Khoa Kế toán - Kiểm toán	3,08	82,80	Khá
55	2121002568	Nguyễn Huỳnh Nhã	Thy	21DKT2	Khoa Kế toán - Kiểm toán	3,15	77,60	Khá
56	2121009117	Dương Thị Ngọc	Trang	21DKT2	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,74	74,00	Khá
57	2121009302	Nguyễn Thảo Yên	Vi	21DKT2	Khoa Kế toán - Kiểm toán	3,15	90,50	Khá
58	2121009130	Nguyễn Võ Như	Ý	21DKT2	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,71	68,20	Khá
59	2121010267	Phùng Kim	Anh	CLC_21DKT01	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,57	68,90	Khá
60	2121004945	Trương Ngọc Quỳnh	Duy	CLC_21DKT01	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,84	78,50	Khá
61	2121000931	Thái Thị Thu	Duyên	CLC_21DKT01	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,96	84,80	Khá
62	2121000918	Huỳnh Thị Kim	Hà	CLC_21DKT01	Khoa Kế toán - Kiểm toán	3,02	75,80	Khá
63	2121010281	Võ Huỳnh	Hoa	CLC_21DKT01	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,82	93,40	Khá
64	2121004872	Phùng Gia	Linh	CLC_21DKT01	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,68	68,10	Khá
65	2121010288	Thạch Ngọc	Linh	CLC_21DKT01	Khoa Kế toán - Kiểm toán	3,06	90,80	Khá
66	2121000913	Thái Vĩnh	Lương	CLC_21DKT01	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,97	81,70	Khá
67	2121004911	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	CLC_21DKT01	Khoa Kế toán - Kiểm toán	3,17	76,00	Khá
68	2121010264	Cao Ngọc Trúc	Phương	CLC_21DKT01	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,84	70,50	Khá
69	2121000950	Đỗ Phạm Thanh	Thảo	CLC_21DKT01	Khoa Kế toán - Kiểm toán	3,10	77,20	Khá
70	2121000853	Quách Dạ	Thảo	CLC_21DKT01	Khoa Kế toán - Kiểm toán	3,09	90,10	Khá
71	2121004955	Phan Ngọc	Trình	CLC_21DKT01	Khoa Kế toán - Kiểm toán	3,12	88,90	Khá
72	2121000935	Trần Ngọc Mai	Trúc	CLC_21DKT01	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,69	86,90	Khá
73	2121013595	Lương Kỳ	Anh	CLC_21DKT02	Khoa Kế toán - Kiểm toán	3,19	81,70	Khá
74	2121010298	Ngô Tú	Anh	CLC_21DKT02	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,71	85,40	Khá
75	2121000933	Ninh Thị Lan	Anh	CLC_21DKT02	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,73	86,80	Khá
76	2121004889	Phạm Thị Minh	Anh	CLC_21DKT02	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,65	78,80	Khá
77	2121012375	Trần Hạnh Trâm	Anh	CLC_21DKT02	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,60	78,10	Khá
78	2121013531	Đỗ Như	Bình	CLC_21DKT02	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,64	72,00	Khá
79	2121004978	Nguyễn Ngọc Huyền	Châu	CLC_21DKT02	Khoa Kế toán - Kiểm toán	3,00	77,10	Khá
80	2121012003	Đoàn Nữ Kim	Hiền	CLC_21DKT02	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,59	85,80	Khá
81	2121005031	Trần Phúc	Huy	CLC_21DKT02	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,87	84,50	Khá

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Khoa	KQHT	KQRL	Danh hiệu
82	2121000953	Nguyễn Ngọc	Yến Linh	CLC_21DKT02	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,97	85,20	Khá
83	2121000930	Trần Bảo	Ngọc	CLC_21DKT02	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,96	80,90	Khá
84	2121013509	Đỗ Khánh Quỳnh	Như	CLC_21DKT02	Khoa Kế toán - Kiểm toán	3,17	80,30	Khá
85	2121000868	Lâm Tâm	Như	CLC_21DKT02	Khoa Kế toán - Kiểm toán	3,10	87,10	Khá
86	2121012459	Ngô Nguyễn Khánh	Quỳnh	CLC_21DKT02	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,91	86,40	Khá
87	2121000961	Nguyễn Diễm	Quỳnh	CLC_21DKT02	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,84	80,70	Khá
88	2121004918	Nguyễn Thị Diễm	Sang	CLC_21DKT02	Khoa Kế toán - Kiểm toán	3,14	83,70	Khá
89	2121000949	Lê Thị Quỳnh	Trang	CLC_21DKT02	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,72	71,20	Khá
90	2121013626	Phạm Quỳnh	Trang	CLC_21DKT02	Khoa Kế toán - Kiểm toán	3,17	86,30	Khá
91	2121000856	Nguyễn Hồ Nhật	Vy	CLC_21DKT02	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,85	74,00	Khá
92	2121011788	Nguyễn Ngân	Giang	CLC_21DKT03	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,95	84,80	Khá
93	2121013233	Trần Ngọc	Khải	CLC_21DKT03	Khoa Kế toán - Kiểm toán	3,09	86,70	Khá
94	2121012903	Nguyễn Trần Bảo	Ngọc	CLC_21DKT03	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,94	83,20	Khá
95	2121013027	Thái Thị	Hợp	CLC_21DKT04	Khoa Kế toán - Kiểm toán	3,04	91,50	Khá
96	2121013248	Phạm Tân	Khoa	CLC_21DKT04	Khoa Kế toán - Kiểm toán	3,04	78,30	Khá
97	2121013023	Nguyễn Thùy	Linh	CLC_21DKT04	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,80	83,70	Khá
98	2121012814	Huỳnh Yến	Thư	CLC_21DKT04	Khoa Kế toán - Kiểm toán	2,95	89,80	Khá
99	2121011930	Việt Lê	Uyên	CLC_21DKT04	Khoa Kế toán - Kiểm toán	3,11	78,90	Khá
100	2121006508	Lê Phạm Thúy	An	21DEM01	Khoa Kinh tế - Luật	2,83	70,80	Khá
101	2121006498	Tôn Nữ Trâm	Anh	21DEM01	Khoa Kinh tế - Luật	3,18	80,10	Khá
102	2121006441	Trần Thị Bích	Diệp	21DEM01	Khoa Kinh tế - Luật	2,86	72,80	Khá
103	2121013405	Trần Tuấn	Hưng	21DEM01	Khoa Kinh tế - Luật	3,05	73,30	Khá
104	2121006405	Đinh Sao	Khuê	21DEM01	Khoa Kinh tế - Luật	2,89	67,90	Khá
105	2121006463	Phạm Xuân	Nghi	21DEM01	Khoa Kinh tế - Luật	3,00	70,44	Khá
106	2121006314	Trần Minh	Quang	21DEM01	Khoa Kinh tế - Luật	3,03	87,90	Khá
107	2121001524	Nguyễn Ngọc	Quý	21DEM01	Khoa Kinh tế - Luật	2,97	86,00	Khá
108	2121006449	Trần Thanh	Tài	21DEM01	Khoa Kinh tế - Luật	2,97	79,00	Khá
109	2121006291	Trần Thu	Thủy	21DEM01	Khoa Kinh tế - Luật	3,12	88,30	Khá
110	2121006464	Hoàng Thị Hương	Trà	21DEM01	Khoa Kinh tế - Luật	3,02	78,80	Khá
111	2121006404	Nguyễn Đào Huyền	Trân	21DEM01	Khoa Kinh tế - Luật	3,16	93,40	Khá
112	2121006334	Ngô Thị Ái	Xuân	21DEM01	Khoa Kinh tế - Luật	3,09	88,70	Khá
113	2121006452	Lê Thị Ngọc	Ánh	21DEM02	Khoa Kinh tế - Luật	3,04	74,10	Khá
114	2121011623	Lê Thị Ngọc	Diễm	21DEM02	Khoa Kinh tế - Luật	2,92	86,80	Khá
115	2121001495	Huỳnh Thị Mỹ	Lành	21DEM02	Khoa Kinh tế - Luật	3,05	76,70	Khá
116	2121012138	Võ Thị Thùy	Linh	21DEM02	Khoa Kinh tế - Luật	3,10	85,20	Khá
117	2121012427	Trần Thảo	My	21DEM02	Khoa Kinh tế - Luật	2,89	74,50	Khá

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Khoa	KQHT	KQRL	Danh hiệu
118	2121006280	Ngô Khả	Nhi	21DEM02	Khoa Kinh tế - Luật	2,93	65,30	Khá
119	2121006342	Phan Lan	Nhi	21DEM02	Khoa Kinh tế - Luật	2,98	77,00	Khá
120	2121006328	Trần Ngọc Phương	Thảo	21DEM02	Khoa Kinh tế - Luật	3,08	91,20	Khá
121	2121006300	Đặng Minh	Trí	21DEM02	Khoa Kinh tế - Luật	3,00	66,50	Khá
122	2121011616	Phạm Kiều	Hoa	21DEM03	Khoa Kinh tế - Luật	3,03	80,10	Khá
123	2121001493	Cil	Huy	21DEM03	Khoa Kinh tế - Luật	2,91	78,70	Khá
124	2121006484	Nguyễn Mai	Khanh	21DEM03	Khoa Kinh tế - Luật	3,20	73,50	Khá
125	2121012183	Lê Thị Khánh	Linh	21DEM03	Khoa Kinh tế - Luật	2,96	83,63	Khá
126	2121013792	Trần Thạch	Mỹ	21DEM03	Khoa Kinh tế - Luật	3,16	83,00	Khá
127	2121012854	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	21DEM03	Khoa Kinh tế - Luật	2,87	66,50	Khá
128	2121013487	Huỳnh Nguyễn Hồng	Nhung	21DEM03	Khoa Kinh tế - Luật	3,20	79,50	Khá
129	2121013083	Trần Thị Thanh	Trúc	21DEM03	Khoa Kinh tế - Luật	2,73	70,30	Khá
130	2121012382	Nguyễn Danh Anh	Tuấn	21DEM03	Khoa Kinh tế - Luật	3,08	88,90	Khá
131	2121002804	Trần Đặng Kim	Anh	21DLD01	Khoa Kinh tế - Luật	3,25	72,60	Khá
132	2121013514	Trần Phạm Nguyệt	Ánh	21DLD01	Khoa Kinh tế - Luật	2,77	75,60	Khá
133	2121009595	Nguyễn Thành	Đạt	21DLD01	Khoa Kinh tế - Luật	3,08	74,10	Khá
134	2121002783	Nguyễn Thị Hồng	Điệp	21DLD01	Khoa Kinh tế - Luật	3,02	81,30	Khá
135	2121012473	Nguyễn Thị Hồng	Hà	21DLD01	Khoa Kinh tế - Luật	3,26	78,60	Khá
136	2121012723	Đinh Vũ	Hưng	21DLD01	Khoa Kinh tế - Luật	3,04	74,90	Khá
137	2121002736	Nguyễn Thành	Khả	21DLD01	Khoa Kinh tế - Luật	2,97	73,80	Khá
138	2121011558	Nguyễn Mạnh	Kiên	21DLD01	Khoa Kinh tế - Luật	3,11	94,20	Khá
139	2121012343	Trần Thị Hồng	Lê	21DLD01	Khoa Kinh tế - Luật	3,00	80,50	Khá
140	2121012136	Võ Hoàng Nhật	Linh	21DLD01	Khoa Kinh tế - Luật	2,84	72,30	Khá
141	2121012445	Trần Khôi	Nguyên	21DLD01	Khoa Kinh tế - Luật	3,06	74,00	Khá
142	2121002758	Lê Mỹ	Phương	21DLD01	Khoa Kinh tế - Luật	3,04	80,40	Khá
143	2121013780	Lê Ngọc Phương	Thanh	21DLD01	Khoa Kinh tế - Luật	3,25	78,40	Khá
144	2121013203	Nguyễn Hoài Bảo	Trâm	21DLD01	Khoa Kinh tế - Luật	3,49	79,20	Khá
145	2121002778	Phạm Ngọc	Trâm	21DLD01	Khoa Kinh tế - Luật	2,82	77,20	Khá
146	2121002763	Lữ Ngọc	Vy	21DLD01	Khoa Kinh tế - Luật	3,24	77,40	Khá
147	2121012103	Hoàng	Yến	21DLD01	Khoa Kinh tế - Luật	3,08	80,70	Khá
148	2121012554	Phan Thúy	An	21DTK1	Khoa Khoa học dữ liệu	2,77	72,20	Khá
149	2121005239	Huỳnh Thị Ngọc	Bích	21DTK1	Khoa Khoa học dữ liệu	3,16	78,90	Khá
150	2121013553	Võ Nguyên	Đạt	21DTK1	Khoa Khoa học dữ liệu	3,07	70,80	Khá
151	2121001090	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	21DTK1	Khoa Khoa học dữ liệu	2,94	76,90	Khá
152	2121005277	Dương Hồng	Nhung	21DTK1	Khoa Khoa học dữ liệu	3,07	75,40	Khá
153	2121012242	Lê Thị	Thu	21DTK1	Khoa Khoa học dữ liệu	3,16	82,60	Khá
154	2121012633	Hồ Ngọc	Thương	21DTK1	Khoa Khoa học dữ liệu	3,02	79,50	Khá
155	2121005103	Châu Hữu	Ân	21DTK2	Khoa Khoa học dữ liệu	3,01	71,80	Khá
156	2121012932	Trịnh Trâm	Anh	21DTK2	Khoa Khoa học dữ liệu	3,06	82,90	Khá
157	2121011798	Trần Thị Trà	Giang	21DTK2	Khoa Khoa học dữ liệu	3,15	85,50	Khá

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Khoa	KQHT	KQRL	Danh hiệu
158	2121005129	Hà Xuân	Hà	21DTK2	Khoa Khoa học dữ liệu	2,95	74,90	Khá
159	2121013130	Lê Thị Mai	Lâm	21DTK2	Khoa Khoa học dữ liệu	3,38	79,00	Khá
160	2121013804	Nguyễn Như	Mai	21DTK2	Khoa Khoa học dữ liệu	2,66	81,10	Khá
161	2121000992	Mai Nguyễn Phương	Thảo	21DTK2	Khoa Khoa học dữ liệu	3,08	94,50	Khá
162	2121001026	Nguyễn Võ Anh	Thư	21DTK2	Khoa Khoa học dữ liệu	3,05	82,20	Khá
163	2121012544	Nguyễn Khánh	An	21DTL01	Khoa Khoa học dữ liệu	3,32	74,10	Khá
164	2121011692	Huỳnh Thị Thùy	Dương	21DTL01	Khoa Khoa học dữ liệu	2,99	86,10	Khá
165	2121006565	Nguyễn Cẩm	Nguyên	21DTL01	Khoa Khoa học dữ liệu	3,20	78,30	Khá
166	2121013716	Phạm Thu	Phương	21DTL01	Khoa Khoa học dữ liệu	2,88	89,50	Khá
167	2121013646	Lê Như	Quỳnh	21DTL01	Khoa Khoa học dữ liệu	2,81	67,80	Khá
168	2121013286	Phạm Thị Thu	Thảo	21DTL01	Khoa Khoa học dữ liệu	3,03	83,00	Khá
169	2121001546	Mai Thị Hoài	Thương	21DTL01	Khoa Khoa học dữ liệu	2,90	85,30	Khá
170	2121013443	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	21DTL01	Khoa Khoa học dữ liệu	2,86	75,90	Khá
171	2121013078	Nguyễn Thụy Thanh	Trúc	21DTL01	Khoa Khoa học dữ liệu	3,55	79,70	Khá
172	2121012353	Nguyễn Tiến	Anh	21DTH1	Khoa Khoa học dữ liệu	2,71	70,00	Khá
173	2121000988	Đỗ Thị Linh	Đa	21DTH1	Khoa Khoa học dữ liệu	3,13	93,80	Khá
174	2121011809	Võ Thị Thúy	Hạ	21DTH1	Khoa Khoa học dữ liệu	3,16	79,80	Khá
175	2121013687	Đặng Hồng	Huy	21DTH1	Khoa Khoa học dữ liệu	3,21	72,20	Khá
176	2121012713	Trần Thị Khánh	Huyền	21DTH1	Khoa Khoa học dữ liệu	3,23	76,80	Khá
177	2121012290	Bùi Thị Thúy	Kiều	21DTH1	Khoa Khoa học dữ liệu	3,23	74,50	Khá
178	2121005267	Lê Phương	Minh	21DTH1	Khoa Khoa học dữ liệu	3,25	73,60	Khá
179	2121011537	Lê Ngọc Diễm	My	21DTH1	Khoa Khoa học dữ liệu	3,09	74,50	Khá
180	2121001096	Nguyễn Thị Hồng	Phước	21DTH1	Khoa Khoa học dữ liệu	3,19	72,40	Khá
181	2121001057	Đặng Nguyễn Anh	Thư	21DTH1	Khoa Khoa học dữ liệu	3,09	86,80	Khá
182	2121001051	Thiều Thị Thanh	Trúc	21DTH1	Khoa Khoa học dữ liệu	3,13	88,70	Khá
183	2121012547	Nguyễn Mỹ Kiều	An	21DTH2	Khoa Khoa học dữ liệu	3,22	77,00	Khá
184	2121001082	Ngô Thu	Huyền	21DTH2	Khoa Khoa học dữ liệu	3,07	90,50	Khá
185	2121012345	Phan Nhật	Lệ	21DTH2	Khoa Khoa học dữ liệu	3,01	82,30	Khá
186	2121005223	Phạm Minh	Tâm	21DTH2	Khoa Khoa học dữ liệu	3,41	78,50	Khá

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Khoa	KQHT	KQRL	Danh hiệu
187	2121013292	Trần Thị Thanh	Thảo	21DTH2	Khoa Khoa học dữ liệu	3,00	77,60	Khá
188	2121012984	Trần Văn	Thống	21DTH2	Khoa Khoa học dữ liệu	3,39	78,60	Khá
189	2121005303	Bùi Thùy Đoan	Trang	21DTH2	Khoa Khoa học dữ liệu	3,19	76,80	Khá
190	2121005253	Lê Thị	Tươi	21DTH2	Khoa Khoa học dữ liệu	3,19	83,90	Khá
191	2121001045	Lê Thị Quý	Uyên	21DTH2	Khoa Khoa học dữ liệu	3,04	77,70	Khá
192	2121012090	Nguyễn Thục	Uyên	21DTH2	Khoa Khoa học dữ liệu	3,36	79,60	Khá
193	2121013108	Hà Thùy Tú	Anh	21DTH3	Khoa Khoa học dữ liệu	3,32	77,10	Khá
194	2121012888	Phan Văn	Chiến	21DTH3	Khoa Khoa học dữ liệu	3,03	90,00	Khá
195	2121011691	Đặng Thùy	Dương	21DTH3	Khoa Khoa học dữ liệu	3,06	80,10	Khá
196	2121011799	Trịnh Thị	Giang	21DTH3	Khoa Khoa học dữ liệu	2,80	71,80	Khá
197	2121010343	Phan Thị Ngọc	Huyền	21DTH3	Khoa Khoa học dữ liệu	3,07	80,00	Khá
198	2121001037	Nguyễn Quốc	Khoa	21DTH3	Khoa Khoa học dữ liệu	2,91	69,50	Khá
199	2121005173	Phạm Thanh	Ngân	21DTH3	Khoa Khoa học dữ liệu	3,09	77,00	Khá
200	2121012923	Võ Huyền Bích	Ngọc	21DTH3	Khoa Khoa học dữ liệu	3,25	79,40	Khá
201	2121012067	Lê Huỳnh	Như	21DTH3	Khoa Khoa học dữ liệu	3,07	77,40	Khá
202	2121012578	Trần Minh	Quang	21DTH3	Khoa Khoa học dữ liệu	3,06	70,10	Khá
203	2121013745	Trần Gia	Thế	21DTH3	Khoa Khoa học dữ liệu	3,19	68,80	Khá
204	2121007625	Nguyễn Trường	Giang	21DMA1	Khoa Marketing	3,27	69,40	Khá
205	2121012682	Văn Thị Ngọc	Hiếu	21DMA1	Khoa Marketing	3,03	65,30	Khá
206	2121013049	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	21DMA1	Khoa Marketing	3,16	77,10	Khá
207	2121007416	Trương Mẫn	Nghi	21DMA1	Khoa Marketing	3,18	66,80	Khá
208	2121001897	Phan Thị Tuyết	Nhi	21DMA1	Khoa Marketing	3,16	72,50	Khá
209	2121012821	Cao Thị Kim	Phấn	21DMA1	Khoa Marketing	3,33	74,00	Khá
210	2121001978	Lê Nguyễn Hồng	Phúc	21DMA1	Khoa Marketing	3,21	79,50	Khá
211	2121012592	Phan Khánh	Tài	21DMA1	Khoa Marketing	3,30	70,30	Khá
212	2121001926	Nguyễn Thị Kim	Thơm	21DMA1	Khoa Marketing	3,42	76,30	Khá
213	2121007506	Hoàng Anh	Thư	21DMA1	Khoa Marketing	3,09	76,30	Khá
214	2121001954	Phan Thị Thủy	Vy	21DMA1	Khoa Marketing	3,11	79,50	Khá
215	2121007522	Phạm Thu	Hằng	21DMA2	Khoa Marketing	3,12	69,40	Khá
216	2121013035	Yang Dạ Dur Ka	Huệ	21DMA2	Khoa Marketing	2,84	69,50	Khá
217	2121010966	Nguyễn Huỳnh Bảo	Nghi	21DMA2	Khoa Marketing	3,06	80,10	Khá
218	2121011950	Hồ Bảo	Ngọc	21DMA2	Khoa Marketing	3,10	67,80	Khá
219	2121007487	Lê Thị Ngọc	Nhân	21DMA2	Khoa Marketing	3,20	66,00	Khá
220	2121001970	Lê Thị Tuyết	Nhi	21DMA2	Khoa Marketing	3,41	72,33	Khá
221	2121007525	Nguyễn Phạm Yến	Nhi	21DMA2	Khoa Marketing	3,23	79,60	Khá
222	2121007675	Nguyễn Gia	Phã	21DMA2	Khoa Marketing	3,25	75,70	Khá

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Khoa	KQHT	KQRL	Danh hiệu
223	2121007618	Nguyễn Lý Bảo	Phương	21DMA2	Khoa Marketing	3,10	69,30	Khá
224	2121007439	Nguyễn Minh	Thu	21DMA2	Khoa Marketing	3,23	75,40	Khá
225	2121007517	Nguyễn Thị	Thúy	21DMA2	Khoa Marketing	3,28	68,20	Khá
226	2121007711	Lê Thị Thu	Trang	21DMA2	Khoa Marketing	3,10	71,90	Khá
227	2121007564	Vũ Thị Thu	Trang	21DMA2	Khoa Marketing	3,24	73,60	Khá
228	2121007494	Nguyễn Thị Kim	Ánh	21DMC1	Khoa Marketing	3,47	75,60	Khá
229	2121007578	Phạm Nguyên	Chi	21DMC1	Khoa Marketing	3,37	75,20	Khá
230	2121007292	Lê Thị Thủy	Dung	21DMC1	Khoa Marketing	3,42	77,80	Khá
231	2121007641	Nguyễn Gia	Hân	21DMC1	Khoa Marketing	3,31	76,60	Khá
232	2121012425	Trần Bảo	My	21DMC1	Khoa Marketing	3,37	76,00	Khá
233	2121011712	Huỳnh Minh	Ngân	21DMC1	Khoa Marketing	3,28	75,50	Khá
234	2121007349	Lê Thị Kim	Ngân	21DMC1	Khoa Marketing	3,32	74,60	Khá
235	2121001985	Nguyễn Hoàng Bình	Phương	21DMC1	Khoa Marketing	3,53	78,80	Khá
236	2121012565	Lê Thị Bảo	Trân	21DMC1	Khoa Marketing	3,32	72,50	Khá
237	2121013448	Trần Thị Diễm	Cầm	21DMC2	Khoa Marketing	3,41	75,10	Khá
238	2121013460	Phạm Hùng	Cường	21DMC2	Khoa Marketing	3,25	71,90	Khá
239	2121012945	Tiết Thu	Đình	21DMC2	Khoa Marketing	3,33	65,70	Khá
240	2121011736	Võ Thị Quỳnh	Hương	21DMC2	Khoa Marketing	3,12	76,90	Khá
241	2121013127	Bùi Thị Ngọc	Lành	21DMC2	Khoa Marketing	3,33	77,60	Khá
242	2121010973	Trần Yến	Nhi	21DMC2	Khoa Marketing	3,38	78,90	Khá
243	2121007606	Trương Thị Ngọc	Trâm	21DMC2	Khoa Marketing	3,37	77,00	Khá
244	2121001977	Đình Công	Tuân	21DMC2	Khoa Marketing	3,37	79,00	Khá
245	2121007484	Lê Quang	Vũ	21DMC2	Khoa Marketing	3,33	77,10	Khá
246	2121001966	Vũ Thị Ngọc	Ánh	21DMC3	Khoa Marketing	3,30	71,00	Khá
247	2121007643	Quách Đăng Xuân	Giang	21DMC3	Khoa Marketing	3,29	72,50	Khá
248	2121007406	Nguyễn Lê Triệu	Mẫn	21DMC3	Khoa Marketing	3,23	76,70	Khá
249	2121007598	Phạm Nguyễn Bình	Nghi	21DMC3	Khoa Marketing	3,26	73,60	Khá
250	2121007294	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	21DMC3	Khoa Marketing	3,40	79,00	Khá
251	2121010968	Phan Hoàng	Thịnh	21DMC3	Khoa Marketing	3,45	78,60	Khá
252	2121001982	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	21DMC3	Khoa Marketing	3,19	76,20	Khá
253	2121007590	Trần Hồng	Uyên	21DMC3	Khoa Marketing	3,50	73,70	Khá
254	2121007391	Trịnh Quốc	Việt	21DMC3	Khoa Marketing	3,31	71,40	Khá
255	2121007559	Nguyễn Văn Kiều	Anh	21DQH1	Khoa Marketing	3,51	79,60	Khá
256	2121012251	Lâm Hoàn	Châu	21DQH1	Khoa Marketing	3,27	73,40	Khá
257	2121007633	Trần Võ Hoàng	Khang	21DQH1	Khoa Marketing	3,30	72,20	Khá
258	2121001930	Lưu Bích	Nghi	21DQH1	Khoa Marketing	3,30	77,70	Khá
259	2121007418	Nguyễn Ngọc Nhật	Quỳnh	21DQH1	Khoa Marketing	3,17	86,90	Khá
260	2121007617	Hồ Thanh	Thảo	21DQH1	Khoa Marketing	3,29	77,30	Khá
261	2121013396	Trần Minh	Thư	21DQH1	Khoa Marketing	3,50	77,00	Khá
262	2121007542	Trần Thảo	Vân	21DQH1	Khoa Marketing	3,23	76,20	Khá
263	2121007584	Nguyễn Kiều	Anh	21DQH2	Khoa Marketing	3,31	75,50	Khá
264	2121007257	Lê Thị Cẩm	Giang	21DQH2	Khoa Marketing	3,30	79,50	Khá
265	2121013235	Vũ Quang	Khải	21DQH2	Khoa Marketing	3,37	71,90	Khá
266	2121012616	Nguyễn Thanh	Ngân	21DQH2	Khoa Marketing	3,33	74,10	Khá
267	2121012920	Trần Xuân	Ngọc	21DQH2	Khoa Marketing	3,50	75,70	Khá
268	2121012448	Nguyễn Thị Kim	Quyên	21DQH2	Khoa Marketing	3,22	72,40	Khá

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Khoa	KQHT	KQRL	Danh hiệu
269	2121001967	Đinh Thị Thanh	Tâm	21DQH2	Khoa Marketing	3,14	87,00	Khá
270	2121007465	Dương Nguyễn Anh	Thư	21DQH2	Khoa Marketing	3,44	78,60	Khá
271	2121007538	Bạch Hoàng Huyền	Trần	21DQH2	Khoa Marketing	3,33	75,50	Khá
272	2121013144	Nguyễn Nhật	Trường	21DQH2	Khoa Marketing	3,55	72,70	Khá
273	2121000328	Cao Diệp Phương	Anh	CLC_21DMA01	Khoa Marketing	3,16	84,00	Khá
274	2121001749	Nguyễn Đăng	Huy	CLC_21DMA01	Khoa Marketing	3,32	79,40	Khá
275	2121003818	Ngô Ngọc	Lam	CLC_21DMA01	Khoa Marketing	3,05	74,50	Khá
276	2121003447	Nguyễn Lê Kiều	Nường	CLC_21DMA01	Khoa Marketing	3,06	83,20	Khá
277	2121003517	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	CLC_21DMA01	Khoa Marketing	3,23	79,60	Khá
278	2121000435	Nguyễn Quỳnh	Trúc	CLC_21DMA01	Khoa Marketing	3,10	80,70	Khá
279	2121003748	Tăng Lâm Mỹ	Uyên	CLC_21DMA01	Khoa Marketing	3,02	70,90	Khá
280	2121001848	Hồ Thị Thanh	Xuân	CLC_21DMA01	Khoa Marketing	3,03	74,10	Khá
281	2121003637	Lê Ngọc Quỳnh	Anh	CLC_21DMA02	Khoa Marketing	3,50	76,80	Khá
282	2121003600	Ngô Phi	Anh	CLC_21DMA02	Khoa Marketing	3,52	76,20	Khá
283	2121001957	Lê Hải	Dương	CLC_21DMA02	Khoa Marketing	3,02	78,80	Khá
284	2121003835	Hứa Ánh	Minh	CLC_21DMA02	Khoa Marketing	3,15	76,20	Khá
285	2121000326	Lâm Yến	Nhi	CLC_21DMA02	Khoa Marketing	2,81	66,60	Khá
286	2121000365	Nguyễn Tuyết	Nhi	CLC_21DMA02	Khoa Marketing	2,97	66,80	Khá
287	2121003489	Lê Tô Thanh	Thảo	CLC_21DMA02	Khoa Marketing	3,37	77,20	Khá
288	2121003458	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	CLC_21DMA02	Khoa Marketing	3,24	79,40	Khá
289	2121000324	Nguyễn Hoàng Bảo	Trâm	CLC_21DMA02	Khoa Marketing	3,06	72,30	Khá
290	2121000379	Huỳnh Ngọc	Anh	CLC_21DMA03	Khoa Marketing	3,00	78,30	Khá
291	2121012297	Hồ Hữu	Hoài	CLC_21DMA03	Khoa Marketing	3,18	71,80	Khá
292	2121009915	Nguyễn Tuấn	Khải	CLC_21DMA03	Khoa Marketing	3,25	76,30	Khá
293	2121000372	Lý Ngọc Minh	Khoa	CLC_21DMA03	Khoa Marketing	3,21	74,90	Khá
294	2121013242	Nguyễn Đăng	Khoa	CLC_21DMA03	Khoa Marketing	2,85	65,30	Khá
295	2121000370	Lý Nguyễn Minh	Nhật	CLC_21DMA03	Khoa Marketing	3,41	75,30	Khá
296	2121003395	Phạm Trần Xuân	Nhi	CLC_21DMA03	Khoa Marketing	3,10	84,00	Khá
297	2121003645	Nguyễn Lê Thuận	Thanh	CLC_21DMA03	Khoa Marketing	3,21	67,20	Khá
298	2121003809	Cao Trần Thảo	Vy	CLC_21DMA03	Khoa Marketing	3,29	77,10	Khá
299	2121003740	Lê Minh Khánh	Đoan	CLC_21DMA04	Khoa Marketing	3,32	79,90	Khá
300	2121003530	Trương Quang	Hiếu	CLC_21DMA04	Khoa Marketing	3,21	78,10	Khá
301	2121000290	Ngô Thùy	Linh	CLC_21DMA04	Khoa Marketing	3,06	71,70	Khá
302	2121013815	Phạm Thành	Lợi	CLC_21DMA04	Khoa Marketing	3,10	79,70	Khá
303	2121003688	Nguyễn Bích	Ngọc	CLC_21DMA04	Khoa Marketing	3,15	87,80	Khá
304	2121003582	Nguyễn Mỹ	Ngọc	CLC_21DMA04	Khoa Marketing	3,20	76,00	Khá
305	2121013215	Phạm Thị Quỳnh	Như	CLC_21DMA04	Khoa Marketing	3,31	74,80	Khá
306	2121012540	Lê Đỗ Đức	An	CLC_21DMA05	Khoa Marketing	3,19	96,00	Khá
307	2121011758	Nguyễn Lan	Anh	CLC_21DMA05	Khoa Marketing	3,15	70,20	Khá
308	2121012223	Trần Hồ Phương	Dung	CLC_21DMA05	Khoa Marketing	2,93	66,70	Khá
309	2121012893	Võ Hoàng	Duy	CLC_21DMA05	Khoa Marketing	3,33	77,10	Khá
310	2121009869	Nguyễn Minh	Hiếu	CLC_21DMC01	Khoa Marketing	3,33	69,50	Khá
311	2121003838	Phạm Gia	Huy	CLC_21DMC01	Khoa Marketing	3,33	76,20	Khá
312	2121007681	Trịnh Ngọc Xuân	Mai	CLC_21DMC01	Khoa Marketing	3,22	79,50	Khá
313	2121000410	Phan Huyền	My	CLC_21DMC01	Khoa Marketing	3,11	79,50	Khá
314	2121001913	Huỳnh Thị Lễ	Ngọc	CLC_21DMC01	Khoa Marketing	2,85	68,80	Khá

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Khoa	KQHT	KQRL	Danh hiệu
315	2121009913	Ngô Bội	Ngọc	CLC_21DMC02	Khoa Marketing	3,29	72,80	Khá
316	2121003724	Phan Phương	Quỳnh	CLC_21DMC02	Khoa Marketing	3,41	76,50	Khá
317	2121003827	Châu Thùy	Trang	CLC_21DMC02	Khoa Marketing	3,35	75,30	Khá
318	2121000498	Ngô Trần Bích	Vân	CLC_21DMC02	Khoa Marketing	3,10	90,60	Khá
319	2121003639	Bùi Thị Mỹ	Ánh	CLC_21DMC03	Khoa Marketing	3,25	75,00	Khá
320	2121003697	Phạm Ngọc	Đức	CLC_21DMC03	Khoa Marketing	3,17	75,60	Khá
321	2121003693	Lâm Tú	Hà	CLC_21DMC03	Khoa Marketing	3,34	74,90	Khá
322	2121003373	Lê Phương Quang	Huy	CLC_21DMC03	Khoa Marketing	3,18	79,20	Khá
323	2121003665	Du Gia	Khương	CLC_21DMC03	Khoa Marketing	3,49	79,10	Khá
324	2121000327	Nguyễn Văn	Lợi	CLC_21DMC03	Khoa Marketing	3,16	69,80	Khá
325	2121003580	Hà Đặng Thủy	Tiên	CLC_21DMC03	Khoa Marketing	3,20	79,50	Khá
326	2121003494	Lâm Phương	Uyên	CLC_21DMC03	Khoa Marketing	3,14	72,30	Khá
327	2121010969	Nguyễn Thị Tố	Vân	CLC_21DMC03	Khoa Marketing	3,20	70,80	Khá
328	2121003842	Trần Nguyễn Phương	Anh	CLC_21DMC04	Khoa Marketing	3,12	72,30	Khá
329	2121003718	Trần Tiến	Đạt	CLC_21DMC04	Khoa Marketing	3,16	77,20	Khá
330	2121003608	Cao Quốc	Hưng	CLC_21DMC04	Khoa Marketing	3,18	79,30	Khá
331	2121008248	Phan Trần Lan	Hương	CLC_21DMC04	Khoa Marketing	3,32	76,30	Khá
332	2121003826	Nguyễn Thị Yến	Lan	CLC_21DMC04	Khoa Marketing	3,15	76,70	Khá
333	2121003781	Tô Minh	Nhật	CLC_21DMC04	Khoa Marketing	3,08	91,10	Khá
334	2121000321	Võ Ngọc	Như	CLC_21DMC04	Khoa Marketing	3,02	82,50	Khá
335	2121000270	Nguyễn Thị Kim	Quỳnh	CLC_21DMC04	Khoa Marketing	3,10	76,10	Khá
336	2121003825	Nguyễn Thị Mai	Quỳnh	CLC_21DMC04	Khoa Marketing	2,95	72,50	Khá
337	2121003475	Nguyễn Minh	Thư	CLC_21DMC04	Khoa Marketing	3,03	82,00	Khá
338	2121009883	Nguyễn Ngọc Quý	Tiên	CLC_21DMC04	Khoa Marketing	3,28	72,10	Khá
339	2121000403	Nguyễn Lê Bảo	Trâm	CLC_21DMC04	Khoa Marketing	3,12	81,00	Khá
340	2121003443	Nguyễn Phan Như	Yên	CLC_21DMC04	Khoa Marketing	3,17	81,80	Khá
341	2121013584	Huỳnh Triệu Tâm	Anh	CLC_21DMC05	Khoa Marketing	3,29	72,00	Khá
342	2121013606	Ngô Minh	Anh	CLC_21DMC05	Khoa Marketing	3,46	70,80	Khá
343	2121012365	Phạm Nguyễn Thy	Anh	CLC_21DMC05	Khoa Marketing	3,37	77,50	Khá
344	2121011669	Nguyễn Ngọc Thái	Bình	CLC_21DMC05	Khoa Marketing	3,05	68,80	Khá
345	2121012228	Đình Văn	Dũng	CLC_21DMC05	Khoa Marketing	3,36	75,80	Khá
346	2121011698	Nguyễn Thùy	Dương	CLC_21DMC05	Khoa Marketing	3,06	66,30	Khá
347	2121012298	Nguyễn Thị Phương	Hoài	CLC_21DMC05	Khoa Marketing	3,18	70,30	Khá
348	2121012333	Ngô	Hoàng	CLC_21DMC05	Khoa Marketing	3,44	78,10	Khá
349	2121003648	Nguyễn Nhật	Huy	CLC_21DMC05	Khoa Marketing	3,29	68,60	Khá
350	2121011552	Võ Đăng	Khoa	CLC_21DMC05	Khoa Marketing	3,32	75,50	Khá
351	2121013054	Phạm Hồng Khánh	Ly	CLC_21DMC05	Khoa Marketing	3,26	76,30	Khá
352	2121011527	Thân Lê Quý	Nhi	CLC_21DMC05	Khoa Marketing	3,07	76,00	Khá
353	2121012447	Nguyễn Khánh	Quỳnh	CLC_21DMC05	Khoa Marketing	3,29	69,90	Khá
354	2121011910	Nguyễn Phan Minh	Thảo	CLC_21DMC05	Khoa Marketing	3,28	78,50	Khá
355	2121013378	Nguyễn Vy Anh	Thư	CLC_21DMC05	Khoa Marketing	3,25	76,60	Khá
356	2121013207	Nguyễn Thị Bảo	Trâm	CLC_21DMC05	Khoa Marketing	3,18	73,80	Khá
357	2121012406	Vũ Thùy Bảo	Trâm	CLC_21DMC05	Khoa Marketing	3,33	77,90	Khá
358	2121012690	Tăng Trần Uyên	Vy	CLC_21DMC05	Khoa Marketing	3,16	70,10	Khá
359	2121012221	Phạm Lê Hoàng	Dung	CLC_21DMC06	Khoa Marketing	3,16	73,60	Khá
360	2121012412	Lê Trần Thục	Nguyễn	CLC_21DMC06	Khoa Marketing	3,37	77,90	Khá

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Khoa	KQHT	KQRL	Danh hiệu
361	2121012421	Nguyễn Thị Minh	Nguyên	CLC_21DMC06	Khoa Marketing	3,42	78,00	Khá
362	2121013306	Đoàn Minh	Nguyệt	CLC_21DMC06	Khoa Marketing	3,02	69,70	Khá
363	2121012462	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	CLC_21DMC06	Khoa Marketing	3,29	76,80	Khá
364	2121001486	Nguyễn Nhựt	Thắng	CLC_21DMC06	Khoa Marketing	3,03	87,60	Khá
365	2121013788	Nguyễn Lê Phương	Thanh	CLC_21DMC06	Khoa Marketing	3,46	69,30	Khá
366	2121011432	Diệp Minh	Đăng	IP_21DMA01	Khoa Marketing	2,69	69,90	Khá
367	2121009719	Lê Phương	Nghi	IP_21DMA01	Khoa Marketing	2,81	69,14	Khá
368	2121012858	Phạm Đức	Phong	IP_21DMA01	Khoa Marketing	3,05	70,80	Khá
369	2121012600	Nguyễn Thị Anh	Tâm	IP_21DMA01	Khoa Marketing	3,09	78,80	Khá
370	2121009706	Lê Thúy	Thanh	IP_21DMA01	Khoa Marketing	3,00	81,30	Khá
371	2121012378	Trần Nhật Tuấn	Anh	IP_21DMA02	Khoa Marketing	3,05	67,20	Khá
372	2121012159	Nguyễn Nhật	Long	IP_21DMA02	Khoa Marketing	2,90	67,60	Khá
373	2121013505	Vũ Thị Tuyết	Nhung	IP_21DMA02	Khoa Marketing	3,20	77,90	Khá
374	2121011977	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	IP_21DMA03	Khoa Marketing	3,36	76,30	Khá
375	2121012839	Mai Quỳnh Đông	Nhi	IP_21DMA03	Khoa Marketing	3,40	79,00	Khá
376	2121011529	Trần Phương	Nhi	IP_21DMA03	Khoa Marketing	2,86	77,30	Khá
377	2121012594	Trần Thái	Tài	IP_21DMA03	Khoa Marketing	3,05	75,80	Khá
378	2121013381	Phan Nguyễn Anh	Thư	IP_21DMA03	Khoa Marketing	3,08	71,40	Khá
379	2121013370	Trần Thành	Tiến	IP_21DMA03	Khoa Marketing	3,54	77,10	Khá
380	2121011581	Trần Nguyễn Đan	Trinh	IP_21DMA03	Khoa Marketing	3,17	78,70	Khá
381	2121013065	Ngô Thảo	Vy	IP_21DMA03	Khoa Marketing	3,18	70,10	Khá
382	2121013155	Lê Gia	Hân	IP_21DMA04	Khoa Marketing	3,24	65,40	Khá
383	2121011816	Nguyễn Hà Kiều	Oanh	IP_21DMA04	Khoa Marketing	2,86	71,50	Khá
384	2121013676	Nguyễn Thị Kim	Thùy	IP_21DMA04	Khoa Marketing	3,44	66,60	Khá
385	2121001451	Ngô Nhựt	Anh	21DTA01	Khoa Ngoại ngữ	2,96	80,00	Khá
386	2121001361	Nguyễn Ngọc Hoàng	Anh	21DTA01	Khoa Ngoại ngữ	2,89	66,40	Khá
387	2121006104	Phan Nhật Quỳnh	Anh	21DTA01	Khoa Ngoại ngữ	2,74	84,20	Khá
388	2121006033	Lê Thị Xuân	Bình	21DTA01	Khoa Ngoại ngữ	3,26	66,70	Khá
389	2121010611	Đặng Thị Trúc	Đào	21DTA01	Khoa Ngoại ngữ	3,08	94,40	Khá
390	2121010560	Huỳnh Thị Thùy	Dương	21DTA01	Khoa Ngoại ngữ	2,90	71,90	Khá
391	2121006115	Huỳnh Nhật	Duy	21DTA01	Khoa Ngoại ngữ	2,86	81,00	Khá
392	2121006241	Nguyễn Mỹ	Duyên	21DTA01	Khoa Ngoại ngữ	2,63	81,60	Khá
393	2121006065	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	21DTA01	Khoa Ngoại ngữ	2,74	66,90	Khá
394	2121011492	Trần Quốc	Huy	21DTA01	Khoa Ngoại ngữ	2,64	83,40	Khá
395	2121006265	Lê Thị Như	Huỳnh	21DTA01	Khoa Ngoại ngữ	2,58	69,10	Khá
396	2121006246	Nguyễn Lê Ngọc	Khánh	21DTA01	Khoa Ngoại ngữ	3,04	76,70	Khá
397	2121001406	Phạm Đăng	Khương	21DTA01	Khoa Ngoại ngữ	2,99	75,00	Khá
398	2121001384	Tô Võ Trúc	Ly	21DTA01	Khoa Ngoại ngữ	2,58	68,20	Khá
399	2121010695	Nguyễn Thị Mỹ	Minh	21DTA01	Khoa Ngoại ngữ	2,71	88,00	Khá
400	2121011979	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	21DTA01	Khoa Ngoại ngữ	2,75	71,50	Khá
401	2121010578	Phạm Thị Yến	Nhi	21DTA01	Khoa Ngoại ngữ	3,08	72,50	Khá
402	2121010567	Nguyễn Phương	Quỳnh	21DTA01	Khoa Ngoại ngữ	3,09	65,60	Khá
403	2121006151	Nguyễn Lê Phương	Thảo	21DTA01	Khoa Ngoại ngữ	2,98	81,30	Khá
404	2121006234	Khổng Hồ Minh	Thông	21DTA01	Khoa Ngoại ngữ	3,17	88,90	Khá
405	2121010604	Trần Thị Minh	Thư	21DTA01	Khoa Ngoại ngữ	3,24	77,00	Khá
406	2121006024	Trương Thị Anh	Thư	21DTA01	Khoa Ngoại ngữ	2,80	69,20	Khá

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Khoa	KQHT	KQRL	Danh hiệu
407	2121005970	Trần Ngọc	Thúy	21DTA01	Khoa Ngoại ngữ	3,10	80,10	Khá
408	2121006196	Trịnh Lê Mỹ	Uyên	21DTA01	Khoa Ngoại ngữ	3,18	90,40	Khá
409	2121006239	Lê Nguyễn Trâm	Anh	21DTA02	Khoa Ngoại ngữ	2,94	77,10	Khá
410	2121013596	Lương Thị Hoài	Anh	21DTA02	Khoa Ngoại ngữ	2,96	78,00	Khá
411	2121013607	Ngô Ngọc Phương	Anh	21DTA02	Khoa Ngoại ngữ	3,06	73,20	Khá
412	2121001430	Phan Hoàng	Bảo	21DTA02	Khoa Ngoại ngữ	3,16	87,30	Khá
413	2121010601	Lê Văn	Có	21DTA02	Khoa Ngoại ngữ	2,96	71,50	Khá
414	2121011636	Nguyễn Thị Huyền	Diệu	21DTA02	Khoa Ngoại ngữ	3,07	81,30	Khá
415	2121011639	Nguyễn Đắc Khả	Doanh	21DTA02	Khoa Ngoại ngữ	3,11	75,50	Khá
416	2121006238	Phạm Vũ Thái	Hà	21DTA02	Khoa Ngoại ngữ	3,07	78,70	Khá
417	2121001365	Trương Thị Ngọc	Hân	21DTA02	Khoa Ngoại ngữ	2,98	79,30	Khá
418	2121012295	Đinh Trần Mỹ	Hoài	21DTA02	Khoa Ngoại ngữ	2,92	77,80	Khá
419	2121013416	Hồ Thị Kim	Hương	21DTA02	Khoa Ngoại ngữ	2,70	76,30	Khá
420	2121006231	Nguyễn Thị Yến	Lanh	21DTA02	Khoa Ngoại ngữ	2,90	67,00	Khá
421	2121001413	Võ Hoàng Hạnh	Linh	21DTA02	Khoa Ngoại ngữ	3,06	79,90	Khá
422	2121005939	Trần Thị	Loan	21DTA02	Khoa Ngoại ngữ	2,95	77,20	Khá
423	2121012212	Lê Dương	Minh	21DTA02	Khoa Ngoại ngữ	3,15	73,40	Khá
424	2121012415	Lưu Nguyễn Thảo	Nguyên	21DTA02	Khoa Ngoại ngữ	3,06	73,20	Khá
425	2121006056	Lê Phước	Nhân	21DTA02	Khoa Ngoại ngữ	3,56	72,10	Khá
426	2121011867	Bùi Võ Yến	Nhi	21DTA02	Khoa Ngoại ngữ	3,18	88,70	Khá
427	2121006254	Hồ Thị Bích	Như	21DTA02	Khoa Ngoại ngữ	3,02	76,90	Khá
428	2121006174	Lê Nguyễn Quỳnh	Như	21DTA02	Khoa Ngoại ngữ	2,89	79,70	Khá
429	2121012586	Lâm Khả	Quân	21DTA02	Khoa Ngoại ngữ	3,11	81,50	Khá
430	2121013642	Lê Khánh	Quỳnh	21DTA02	Khoa Ngoại ngữ	3,41	70,20	Khá
431	2121010657	Hồ Thị Minh	Tâm	21DTA02	Khoa Ngoại ngữ	3,02	91,90	Khá
432	2121012742	Nguyễn Thị Yến	Thanh	21DTA02	Khoa Ngoại ngữ	2,79	71,80	Khá
433	2121011895	Đinh Thị Phương	Thảo	21DTA02	Khoa Ngoại ngữ	3,01	87,70	Khá
434	2121006266	Mã Xuân	Thảo	21DTA02	Khoa Ngoại ngữ	3,29	79,00	Khá
435	2121005997	Nguyễn Lê Huỳnh	Thư	21DTA02	Khoa Ngoại ngữ	3,13	82,40	Khá
436	2121006132	Hồ Phương	Thùy	21DTA02	Khoa Ngoại ngữ	2,81	71,90	Khá
437	2121011782	Lương Sử Thanh	Thủy	21DTA02	Khoa Ngoại ngữ	2,71	83,90	Khá
438	2121012693	Nguyễn Duy Trọng	Tín	21DTA02	Khoa Ngoại ngữ	3,04	71,10	Khá
439	2121012347	Huỳnh Như	Ý	21DTA02	Khoa Ngoại ngữ	3,09	87,10	Khá
440	2121001354	Trần Nguyễn Thanh	Yên	21DTA02	Khoa Ngoại ngữ	2,92	83,40	Khá
441	2121012118	Phạm Trương Ngọc	Yến	21DTA02	Khoa Ngoại ngữ	3,10	75,10	Khá
442	2121013104	Đặng Tuấn	Anh	21DTA03	Khoa Ngoại ngữ	2,81	75,40	Khá
443	2121011694	Lê Thùy	Dương	21DTA03	Khoa Ngoại ngữ	3,25	65,70	Khá
444	2121012477	Nguyễn Thanh	Hà	21DTA03	Khoa Ngoại ngữ	3,17	91,10	Khá
445	2121013047	Lý Thị Trúc	Ly	21DTA03	Khoa Ngoại ngữ	2,65	69,00	Khá
446	2121012206	Võ Quỳnh	Mai	21DTA03	Khoa Ngoại ngữ	3,02	65,60	Khá
447	2121013182	Trần Thị Khánh	Minh	21DTA03	Khoa Ngoại ngữ	2,88	71,30	Khá
448	2121011547	Nguyễn Thị Huyền	My	21DTA03	Khoa Ngoại ngữ	2,93	86,90	Khá
449	2121013258	Nguyễn Phạm Thúy	Nga	21DTA03	Khoa Ngoại ngữ	2,96	77,30	Khá
450	2121012913	Phạm Thị Bích	Ngọc	21DTA03	Khoa Ngoại ngữ	2,77	74,40	Khá
451	2121012083	Nguyễn Quỳnh	Như	21DTA03	Khoa Ngoại ngữ	2,94	71,40	Khá
452	2121013225	Võ Thị Hằng	Ni	21DTA03	Khoa Ngoại ngữ	2,76	65,70	Khá

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Khoa	KQHT	KQRL	Danh hiệu
453	2121012588	Nguyễn Lại Minh	Quân	21DTA03	Khoa Ngoại ngữ	3,12	80,90	Khá
454	2121012573	Đỗ Tấn	Quang	21DTA03	Khoa Ngoại ngữ	2,87	68,10	Khá
455	2121013778	Hoàng Phạm Thiên	Thanh	21DTA03	Khoa Ngoại ngữ	3,17	76,90	Khá
456	2121013285	Phan Phương	Thảo	21DTA03	Khoa Ngoại ngữ	3,18	84,60	Khá
457	2121012986	Bành Quang	Thịnh	21DTA03	Khoa Ngoại ngữ	2,98	73,60	Khá
458	2121012801	Bùi Thị Anh	Thư	21DTA03	Khoa Ngoại ngữ	2,86	70,70	Khá
459	2121012625	Võ Minh	Thư	21DTA03	Khoa Ngoại ngữ	2,73	69,30	Khá
460	2121013201	Mai Ngọc Phương	Trâm	21DTA03	Khoa Ngoại ngữ	3,20	76,00	Khá
461	2121011583	Trương Thị Hoài	Trình	21DTA03	Khoa Ngoại ngữ	3,04	88,20	Khá
462	2121012220	Nguyễn Thị Phương	Dung	21DTA04	Khoa Ngoại ngữ	2,66	78,20	Khá
463	2121012007	Nguyễn Ngọc	Hiền	21DTA04	Khoa Ngoại ngữ	2,68	65,20	Khá
464	2121012332	Lê Thị Kim	Hoàng	21DTA04	Khoa Ngoại ngữ	2,84	65,10	Khá
465	2121012715	Trần Thu	Huyền	21DTA04	Khoa Ngoại ngữ	2,95	87,70	Khá
466	2121011743	Nguyễn Tuấn	Kha	21DTA04	Khoa Ngoại ngữ	3,01	81,70	Khá
467	2121012177	Huỳnh Thị Phương	Linh	21DTA04	Khoa Ngoại ngữ	2,62	66,40	Khá
468	2121013021	Nguyễn Thị Thùy	Linh	21DTA04	Khoa Ngoại ngữ	2,74	81,20	Khá
469	2121011961	Lê Thị Như	Ngọc	21DTA04	Khoa Ngoại ngữ	3,36	74,20	Khá
470	2121013337	Phạm Công	Nhân	21DTA04	Khoa Ngoại ngữ	3,12	73,40	Khá
471	2121012845	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	21DTA04	Khoa Ngoại ngữ	3,01	82,80	Khá
472	2121013559	Trần Ngọc Như	Quỳnh	21DTA04	Khoa Ngoại ngữ	3,13	89,00	Khá
473	2121013674	Trần Thùy	Trang	21DTA04	Khoa Ngoại ngữ	3,19	78,80	Khá
474	2121013098	Dương Thị Kim	Anh	21DHQ1	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,08	76,60	Khá
475	2121012367	Phạm Quỳnh	Anh	21DHQ1	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,07	89,50	Khá
476	2121008884	Cao Mai	Dur	21DHQ1	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,99	88,40	Khá
477	2121008846	Trần Thị Mỹ	Duyên	21DHQ1	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,09	74,50	Khá
478	2121002483	Trần Thị Mỹ	Hằng	21DHQ1	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,87	83,20	Khá
479	2121008957	Nguyễn Thị Như	Hoa	21DHQ1	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,30	72,60	Khá
480	2121013739	Chăng Khánh	Hội	21DHQ1	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,72	86,00	Khá
481	2121013333	Võ Thị Diễm	Hồng	21DHQ1	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,94	74,40	Khá
482	2121002262	Trần Thị	Kiều	21DHQ1	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,08	73,50	Khá
483	2121008471	Huỳnh Thị Diễm	Mi	21DHQ1	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,25	79,40	Khá
484	2121012430	Võ Trà	My	21DHQ1	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,96	78,20	Khá
485	2121008564	Tăng Thị Kiều	Nhi	21DHQ1	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,03	76,80	Khá
486	2121012064	Huỳnh Trương Tâm	Như	21DHQ1	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,98	82,80	Khá
487	2121008614	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	21DHQ1	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,93	88,00	Khá
488	2121011316	Lê Hồng	Phát	21DHQ1	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,98	79,00	Khá
489	2121008980	Huỳnh Minh	Thông	21DHQ1	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,14	87,30	Khá

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Khoa	KQHT	KQRL	Danh hiệu
490	2121008635	Trần Thị Thanh	Thúy	21DHQ1	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,74	73,20	Khá
491	2121012566	Nguyễn Bảo	Trân	21DHQ1	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,01	89,10	Khá
492	2121008517	Phạm Lê Mỹ	Uyên	21DHQ1	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,98	87,70	Khá
493	2121013067	Nguyễn Ché Đan	Vy	21DHQ1	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,15	74,30	Khá
494	2121008650	Nguyễn Thị Mỹ	Diên	21DHQ2	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,05	77,20	Khá
495	2121013733	Phan Đức	Hải	21DHQ2	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,14	71,50	Khá
496	2121002384	Nguyễn Thu	Hoài	21DHQ2	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,09	88,00	Khá
497	2121002448	Nguyễn Thị Thu	Hồng	21DHQ2	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,16	72,70	Khá
498	2121002230	Bùi Thị	Huyền	21DHQ2	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,85	77,60	Khá
499	2121012709	Phan Thị Mỹ	Huyền	21DHQ2	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,97	85,30	Khá
500	2121008578	Phạm Hoàng	My	21DHQ2	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,19	85,60	Khá
501	2121012609	Nguyễn Thị Bích	Ngân	21DHQ2	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,06	75,90	Khá
502	2121013226	Võ Hoài	Niệm	21DHQ2	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,10	84,70	Khá
503	2121002332	Lê Thị Hồng	Phương	21DHQ2	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,13	84,10	Khá
504	2121012735	Huỳnh Thanh	Trà	21DHQ2	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,03	83,30	Khá
505	2121012032	Vũ Nguyễn Huyền	Trân	21DHQ2	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,41	75,20	Khá
506	2121013852	Nguyễn Huy	Việt	21DHQ2	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,18	67,90	Khá
507	2121008890	Trần Thị	Ý	21DHQ2	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,02	71,60	Khá
508	2121007921	Đào Gia	Hân	21DKB01	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,92	82,30	Khá
509	2121002012	Trần Thị Thu	Hằng	21DKB01	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,03	83,20	Khá
510	2121001998	Phan Trung	Hiển	21DKB01	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,88	76,60	Khá
511	2121007734	Nguyễn Anh	Khôi	21DKB01	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,95	81,70	Khá
512	2121002020	Lê Thị Kiều	Minh	21DKB01	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,84	79,00	Khá
513	2121007841	Ngô Kim	Ngân	21DKB01	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,98	82,00	Khá
514	2121007803	Nguyễn Quế	Phương	21DKB01	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,77	78,20	Khá
515	2121007745	Trần Anh	Thư	21DKB01	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,07	76,90	Khá
516	2121002083	Kim	Thúy	21DKB01	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,23	76,00	Khá
517	2121013404	Trần Quốc	Hung	21DKB02	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,06	94,50	Khá
518	2121013251	Trần Thị Yến	Khoa	21DKB02	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,83	76,90	Khá

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Khoa	KQHT	KQRL	Danh hiệu
519	2121013264	Trương Lê Quỳnh	Nga	21DKB02	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,90	96,00	Khá
520	2121007875	Nguyễn Kiều	Tâm	21DKB02	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,94	77,10	Khá
521	2121012402	Trần Thị Bích	Trâm	21DKB02	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,00	80,10	Khá
522	2121007766	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	21DKB02	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,94	81,10	Khá
523	2121012127	Trần Kim	Tuyền	21DKB02	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,18	65,70	Khá
524	2121011795	Phan Hà	Giang	21DPF	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,88	76,40	Khá
525	2121012470	Lê Thị Mỹ	Hà	21DPF	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,03	79,90	Khá
526	2121009033	Nguyễn Khánh	Linh	21DPF	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,96	83,30	Khá
527	2121002541	Phan Thị Thanh	Lý	21DPF	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,88	70,30	Khá
528	2121013184	Trang Ngọc	Mẫn	21DPF	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,84	81,60	Khá
529	2121009056	Nguyễn Thanh Thảo	Nhi	21DPF	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,99	85,40	Khá
530	2121013715	Phạm Lê Hải	Phương	21DPF	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,93	80,60	Khá
531	2121002369	Vũ Thị Thu	Thảo	21DPF	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,09	83,70	Khá
532	2121002439	Võ Phước	Thịnh	21DPF	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,50	69,20	Khá
533	2121002546	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	21DPF	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,03	75,56	Khá
534	2121013199	Lê Thị Mai	Trâm	21DPF	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,83	86,10	Khá
535	2121008921	Phạm Thị Thùy	Trang	21DPF	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,08	81,80	Khá
536	2121002252	Hà Thanh	Vy	21DPF	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,65	85,90	Khá
537	2121009006	Phạm Thị Tuyết	Anh	21DTD	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,07	85,00	Khá
538	2121012939	Vũ Minh	Anh	21DTD	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,98	71,90	Khá
539	2121008728	Phạm Thị Ngọc	Ánh	21DTD	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,08	87,90	Khá
540	2121012948	Nguyễn Tấn	Định	21DTD	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,19	78,80	Khá
541	2121002475	Huỳnh Thị Kiều	Dung	21DTD	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,97	86,80	Khá
542	2121008724	Trần Thùy	Dương	21DTD	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,92	85,80	Khá
543	2121008907	Nguyễn Khánh	Hưng	21DTD	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,79	82,40	Khá
544	2121012716	Văn Khánh	Huyền	21DTD	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,60	78,90	Khá
545	2121011271	Đào Đăng	Khoa	21DTD	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,86	69,70	Khá
546	2121008631	Hà Thị Thùy	Linh	21DTD	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,90	77,90	Khá
547	2121002487	Nguyễn Thị Kim	Mỹ	21DTD	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,06	87,40	Khá

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Khoa	KQHT	KQRL	Danh hiệu
548	2121008946	Phạm Nguyễn Ngọc	Mỹ	21DTD	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,02	87,90	Khá
549	2121009013	Nguyễn Thị Khánh	Nhi	21DTD	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,83	86,20	Khá
550	2121002532	Nguyễn Thị Yến	Nhi	21DTD	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,91	81,90	Khá
551	2121002517	Nguyễn Thị Kim	Phúc	21DTD	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,71	79,50	Khá
552	2121008421	Nguyễn Thị Mai	Thanh	21DTD	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,79	70,60	Khá
553	2121008703	Nguyễn Thị Kim	Thoa	21DTD	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,76	89,00	Khá
554	2121002366	Lê Thị Hoài	Thương	21DTD	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,89	85,20	Khá
555	2121009067	Nguyễn Minh	Tiến	21DTD	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,77	79,90	Khá
556	2121008920	Lê Thị Mỹ	Trang	21DTD	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,01	86,90	Khá
557	2121008931	Lý Thị Thùy	Trang	21DTD	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,19	88,00	Khá
558	2121013624	Phan Thùy	Trang	21DTD	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,64	69,90	Khá
559	2121009074	Lê Thị Cẩm	Tú	21DTD	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,10	87,70	Khá
560	2121002327	Nguyễn Thị Thanh	Tú	21DTD	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,59	79,00	Khá
561	2121002503	Nguyễn Đăng Cẩm	Chi	21DTX	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,57	65,90	Khá
562	2121011133	Võ Thị Kim	Chi	21DTX	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,96	71,70	Khá
563	2121008961	Dương Thị Thùy	Dương	21DTX	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,74	91,40	Khá
564	2121013476	Nguyễn Lê Thúy	Duyên	21DTX	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,84	89,70	Khá
565	2121013482	Phan Nguyễn Mỹ	Duyên	21DTX	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,83	82,90	Khá
566	2121008430	Kiều Văn	Hùng	21DTX	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,12	90,40	Khá
567	2121008924	Nguyễn Lê Anh	Huy	21DTX	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,81	83,80	Khá
568	2121012712	Tô Thị Ngọc	Huyền	21DTX	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,09	81,70	Khá
569	2121008859	Hoàng Thị	Liều	21DTX	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,08	83,00	Khá
570	2121008770	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	21DTX	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,79	71,20	Khá
571	2121008896	Đỗ Ngọc Huỳnh	Như	21DTX	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,93	84,50	Khá
572	2121013507	Dương Bùi Quỳnh	Như	21DTX	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,90	81,70	Khá
573	2121008745	Lê Bảo Yến	Phương	21DTX	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,67	87,80	Khá
574	2121008917	Nguyễn Việt	Thành	21DTX	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,83	67,20	Khá
575	2121008497	Huỳnh Thị Minh	Thư	21DTX	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,70	80,30	Khá
576	2121008742	Nguyễn Minh	Tiến	21DTX	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,09	80,70	Khá

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Khoa	KQHT	KQRL	Danh hiệu
577	2121008732	Lê Ngọc Thảo	Vy	21DTX	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,13	90,70	Khá
578	2121004813	Huỳnh Thị Như	Anh	CLC_21Dhq01	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,95	73,20	Khá
579	2121011759	Nguyễn Lê Quỳnh	Anh	CLC_21Dhq01	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,13	86,80	Khá
580	2121011637	Nguyễn Thị Ngọc	Diệu	CLC_21Dhq01	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,58	69,40	Khá
581	2121011800	Vũ Hương	Giang	CLC_21Dhq01	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,57	86,20	Khá
582	2121012480	Phạm Ngọc	Hà	CLC_21Dhq01	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,02	78,70	Khá
583	2121005499	Hà Nguyễn Gia	Hân	CLC_21Dhq01	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,72	83,70	Khá
584	2121011987	Phạm Gia	Huy	CLC_21Dhq01	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,88	70,80	Khá
585	2121012342	Huỳnh Thanh	Ký	CLC_21Dhq01	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,10	80,00	Khá
586	2121004782	Hoàng Phạm Kim	Ngân	CLC_21Dhq01	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,73	73,20	Khá
587	2121004814	Ngô Thị Trinh	Nữ	CLC_21Dhq01	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,08	83,10	Khá
588	2121004551	Cao Tấn	Tài	CLC_21Dhq01	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,80	71,00	Khá
589	2121013374	Nguyễn Thị Phương	Thư	CLC_21Dhq01	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,95	65,90	Khá
590	2121004453	Phạm Nguyễn Anh	Thy	CLC_21Dhq01	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,73	74,00	Khá
591	2121012031	Nguyễn Thị Diễm	Trang	CLC_21Dhq01	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,02	81,50	Khá
592	2121008751	Nguyễn Thị Bảo	Trinh	CLC_21Dhq01	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,50	70,50	Khá
593	2121013304	Hồ Ngọc Bảo	Vy	CLC_21Dhq01	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,63	65,40	Khá
594	2121003897	Tăng Lê Triết	Đông	CLC_21DKB01	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,95	74,20	Khá
595	2121013270	Bùi Nguyễn Kim	Ngân	CLC_21DKB01	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,70	68,00	Khá
596	2121012072	Ngô Hoàng	Như	CLC_21DKB01	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,23	76,50	Khá
597	2121009933	Phạm Minh	Phi	CLC_21DKB01	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,30	71,70	Khá
598	2121013291	Trần Thị Thanh	Thảo	CLC_21DKB01	Khoa Quản lý công - Bất động sản	3,08	87,50	Khá
599	2121011947	Trần Ngọc Quế	Trân	CLC_21DKB01	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,77	66,40	Khá
600	2121013338	Phạm Thị Yến	Nhân	CLC_21DKB02	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,81	72,30	Khá
601	2121012491	Nguyễn Xuân	Quỳnh	CLC_21DKB02	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,87	72,60	Khá
602	2121011925	Trần Phương	Uyên	CLC_21DKB02	Khoa Quản lý công - Bất động sản	2,82	66,70	Khá
603	2121001813	Nguyễn Thị Minh	Anh	21DBH1	Khoa Quản trị kinh doanh	3,14	77,90	Khá
604	2121001696	Lưu Thị Ngọc	Chi	21DBH1	Khoa Quản trị kinh doanh	3,37	79,00	Khá
605	2121013732	Nguyễn Huy	Hải	21DBH1	Khoa Quản trị kinh doanh	3,24	66,00	Khá

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Khoa	KQHT	KQRL	Danh hiệu
606	2121001866	Trần Đăng	Khoa	21DBH1	Khoa Quản trị kinh doanh	3,34	75,80	Khá
607	2121013799	Lê Thanh	Mai	21DBH1	Khoa Quản trị kinh doanh	3,42	67,30	Khá
608	2121006954	Huỳnh Tấn	Nghĩa	21DBH1	Khoa Quản trị kinh doanh	3,27	76,20	Khá
609	2121012417	Ngô Thị Thanh	Nguyên	21DBH1	Khoa Quản trị kinh doanh	2,91	68,70	Khá
610	2121001809	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	21DBH1	Khoa Quản trị kinh doanh	3,13	84,50	Khá
611	2121006668	Võ Ngọc Lan	Trình	21DBH1	Khoa Quản trị kinh doanh	3,10	83,50	Khá
612	2121006865	Nguyễn Thị Thúy	Vy	21DBH1	Khoa Quản trị kinh doanh	3,05	74,90	Khá
613	2121006747	Nguyễn Hoàng	Khang	21DBH2	Khoa Quản trị kinh doanh	3,43	73,40	Khá
614	2121001715	Lê Dương Anh	Kỳ	21DBH2	Khoa Quản trị kinh doanh	3,07	80,60	Khá
615	2121007131	Châu Thị Thanh	Ngân	21DBH2	Khoa Quản trị kinh doanh	3,34	78,30	Khá
616	2121001783	Dương Thị Kim	Ngoan	21DBH2	Khoa Quản trị kinh doanh	3,04	72,70	Khá
617	2121006632	Lữ Thị Cúc	Phương	21DBH2	Khoa Quản trị kinh doanh	3,06	81,60	Khá
618	2121012983	Quách Phan Anh	Thắng	21DBH2	Khoa Quản trị kinh doanh	3,08	70,30	Khá
619	2121011899	Hứa Thị Thái	Thảo	21DBH2	Khoa Quản trị kinh doanh	3,08	72,90	Khá
620	2121010835	Lê Thị Bảo	Uyên	21DBH2	Khoa Quản trị kinh doanh	3,00	73,00	Khá
621	2121007173	Nguyễn Sỹ Trâm	Anh	21DBH3	Khoa Quản trị kinh doanh	3,16	77,10	Khá
622	2121001593	Nguyễn Ngọc	Chăm	21DBH3	Khoa Quản trị kinh doanh	3,33	66,60	Khá
623	2121006740	Lê Thị Thu	Diệu	21DBH3	Khoa Quản trị kinh doanh	3,08	79,80	Khá
624	2121006832	Trần Ngọc	Hân	21DBH3	Khoa Quản trị kinh doanh	3,06	71,30	Khá
625	2121001727	Tạ Ngọc	Minh	21DBH3	Khoa Quản trị kinh doanh	3,20	71,90	Khá
626	2121006816	Võ Ngọc	Nhi	21DBH3	Khoa Quản trị kinh doanh	3,38	75,30	Khá
627	2121013221	Võ Thị Quỳnh	Như	21DBH3	Khoa Quản trị kinh doanh	3,13	87,70	Khá
628	2121007121	Nguyễn Hoàng	Thiện	21DBH3	Khoa Quản trị kinh doanh	3,31	72,30	Khá
629	2121011885	Nguyễn Anh	Thư	21DBH3	Khoa Quản trị kinh doanh	3,39	68,10	Khá
630	2121011933	Vũ Hoàng Phương	Uyên	21DBH3	Khoa Quản trị kinh doanh	3,22	78,50	Khá
631	2121001729	Trịnh Đỗ Minh	Châu	21DDA1	Khoa Quản trị kinh doanh	3,44	74,20	Khá
632	2121013149	Giáp Nguyễn Khánh	Hân	21DDA1	Khoa Quản trị kinh doanh	3,32	72,80	Khá
633	2121006918	Ngô Nguyễn Ngọc	Linh	21DDA1	Khoa Quản trị kinh doanh	3,38	70,90	Khá
634	2121001658	Trần Thị	Loan	21DDA1	Khoa Quản trị kinh doanh	3,05	85,30	Khá

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Khoa	KQHT	KQRL	Danh hiệu
635	2121011600	Trần Nguyễn	Phúc	21DDA1	Khoa Quản trị kinh doanh	3,40	77,50	Khá
636	2121012644	Trần Thị Huyền	Thương	21DDA1	Khoa Quản trị kinh doanh	2,84	65,40	Khá
637	2121013696	Nguyễn Thị Diễm	Thùy	21DDA1	Khoa Quản trị kinh doanh	3,04	77,80	Khá
638	2121006637	Đỗ Nguyên	Vũ	21DDA1	Khoa Quản trị kinh doanh	3,38	79,30	Khá
639	2121001682	Trần Thị Hải	Yến	21DDA1	Khoa Quản trị kinh doanh	3,41	75,80	Khá
640	2121013106	Hồ Thị Huỳnh	Anh	21DDA2	Khoa Quản trị kinh doanh	3,14	72,30	Khá
641	2121006678	Lê Sỹ	Đạt	21DDA2	Khoa Quản trị kinh doanh	3,20	71,80	Khá
642	2121007151	Đinh Thị Kim	Hiền	21DDA2	Khoa Quản trị kinh doanh	3,16	83,60	Khá
643	2121001699	Nguyễn Lê	Nguyên	21DDA2	Khoa Quản trị kinh doanh	3,14	82,50	Khá
644	2121001679	Đạo Thị Kim	Quý	21DDA2	Khoa Quản trị kinh doanh	3,26	75,60	Khá
645	2121013551	Nguyễn Tiến	Đạt	21DQT1	Khoa Quản trị kinh doanh	3,10	83,10	Khá
646	2121001858	Nguyễn Kim	Ngân	21DQT1	Khoa Quản trị kinh doanh	3,12	83,60	Khá
647	2121012604	Nguyễn Lâm Thu	Ngân	21DQT1	Khoa Quản trị kinh doanh	3,28	77,90	Khá
648	2121013834	Trần Tất	Nghĩa	21DQT1	Khoa Quản trị kinh doanh	3,18	88,60	Khá
649	2121012922	Trương Nguyên	Ngọc	21DQT1	Khoa Quản trị kinh doanh	3,20	74,60	Khá
650	2121001733	Lê Hoàng	Nhật	21DQT1	Khoa Quản trị kinh doanh	3,57	77,10	Khá
651	2121006997	Trần Thị Quỳnh	Như	21DQT1	Khoa Quản trị kinh doanh	3,34	79,50	Khá
652	2121006636	Nguyễn Thị Ngọc	Sương	21DQT1	Khoa Quản trị kinh doanh	3,08	87,40	Khá
653	2121007194	Chu Thị Tình	Thơm	21DQT1	Khoa Quản trị kinh doanh	3,49	79,10	Khá
654	2121007083	Trần Thị Minh	Thư	21DQT1	Khoa Quản trị kinh doanh	3,09	83,60	Khá
655	2121001835	Trần Thị Kim	Chi	21DQT2	Khoa Quản trị kinh doanh	3,12	90,10	Khá
656	2121006732	Trần Nhật	Linh	21DQT2	Khoa Quản trị kinh doanh	3,28	77,20	Khá
657	2121012139	Võ Văn	Linh	21DQT2	Khoa Quản trị kinh doanh	3,06	74,00	Khá
658	2121001776	Nguyễn Trương Trà	My	21DQT2	Khoa Quản trị kinh doanh	3,22	71,20	Khá
659	2121006623	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	21DQT2	Khoa Quản trị kinh doanh	3,30	73,90	Khá
660	2121013488	Huỳnh Thị Kim	Nhung	21DQT2	Khoa Quản trị kinh doanh	3,30	78,50	Khá
661	2121012860	Bùi Toàn	Phú	21DQT2	Khoa Quản trị kinh doanh	2,98	68,10	Khá
662	2121001722	Lê Thị Bảo	Trân	21DQT2	Khoa Quản trị kinh doanh	3,36	78,20	Khá
663	2121006932	Nguyễn Hồng	Vân	21DQT2	Khoa Quản trị kinh doanh	3,12	83,50	Khá

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Khoa	KQHT	KQRL	Danh hiệu
664	2121006994	Lê Vũ	Hằng	21DQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	3,21	78,20	Khá
665	2121013421	La Mỹ	Hương	21DQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	2,90	81,00	Khá
666	2121007081	Võ Thị Kim	Liên	21DQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	3,11	76,60	Khá
667	2121006850	Dương Thị Khánh	Linh	21DQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	2,88	85,60	Khá
668	2121010896	Lê Đình Anh	Minh	21DQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	3,12	84,00	Khá
669	2121007007	Nguyễn Thị Lê	Na	21DQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	3,10	79,70	Khá
670	2121012846	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	21DQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	3,27	79,50	Khá
671	2121013489	Huỳnh Thị Thu	Nhung	21DQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	3,05	71,50	Khá
672	2121001620	Trần Nhựt	Quang	21DQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	3,22	67,90	Khá
673	2121013652	Phạm Thị	Sáu	21DQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	3,33	76,90	Khá
674	2121006781	Huỳnh Thanh	Trúc	21DQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	3,18	79,10	Khá
675	2121012545	Nguyễn Khắc Vĩnh	An	21DQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	2,91	70,50	Khá
676	2121012291	Nguyễn Thị	Hòa	21DQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	3,01	84,30	Khá
677	2121013177	Phạm Công	Minh	21DQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	3,37	75,90	Khá
678	2121012434	Võ Nguyễn My	Na	21DQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	3,22	70,80	Khá
679	2121006742	Trần Thị Kim	Nhã	21DQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	3,22	74,60	Khá
680	2121012563	Trần Hương	Nhu	21DQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	3,20	73,80	Khá
681	2121012591	Nguyễn Trần Tấn	Tài	21DQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	3,24	72,30	Khá
682	2121013389	Trần Thị Minh	Thư	21DQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	3,35	73,60	Khá
683	2121007175	Mai Bích	Trâm	21DQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	3,24	74,90	Khá
684	2121011614	Trần Thị Như	Hào	21DQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	3,13	90,20	Khá
685	2121007002	Lê Thị	Hiền	21DQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	3,38	78,50	Khá
686	2121013028	Trần Thị	Huế	21DQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	3,27	77,80	Khá
687	2121013755	Phạm Ngọc Tú	Linh	21DQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	3,25	78,30	Khá
688	2121011717	Lê Kim	Ngân	21DQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	3,15	74,50	Khá
689	2121006917	Huỳnh	Như	21DQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	2,98	70,80	Khá
690	2121013658	Nguyễn Hoàng	Son	21DQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	2,90	65,20	Khá
691	2121010849	Nguyễn Ngọc Mỹ	Trâm	21DQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	3,14	77,40	Khá
692	2121012246	Trần Hoàng Gia	Bảo	CLC_21DBH01	Khoa Quản trị kinh doanh	2,95	65,40	Khá

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Khoa	KQHT	KQRL	Danh hiệu
693	2121003037	Lưu	Trần Thảo Vy	CLC_21DBH01	Khoa Quản trị kinh doanh	3,06	74,50	Khá
694	2121003220	Vương	Võ Thu Bình	CLC_21DQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	3,17	95,20	Khá
695	2121000088	Trần	Hà My	CLC_21DQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	2,92	91,60	Khá
696	2121003333	Nguyễn	Minh Cường	CLC_21DQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	3,27	70,30	Khá
697	2121000228	Nguyễn	Vũ Thùy Dung	CLC_21DQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	2,97	69,10	Khá
698	2121006669	Nguyễn	Hữu Duy	CLC_21DQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	3,00	75,20	Khá
699	2121000010	Võ	Thị Mỹ Duyên	CLC_21DQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	3,24	78,50	Khá
700	2121003129	Nguyễn	Thảo Ly	CLC_21DQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	3,11	80,10	Khá
701	2121003345	Nguyễn	Minh Thành	CLC_21DQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	3,08	69,00	Khá
702	2121003315	Nguyễn	Ngọc Thành	CLC_21DQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	3,09	69,40	Khá
703	2121003317	Huỳnh	Mẫn Đạt	CLC_21DQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	2,88	65,40	Khá
704	2121003057	Nguyễn	Thị Thúy Diễm	CLC_21DQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	2,93	69,50	Khá
705	2121000132	Trần	Thuy Tâm Đoan	CLC_21DQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	3,32	77,70	Khá
706	2121003255	Nguyễn	Trần Bá Khiêm	CLC_21DQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	3,07	76,10	Khá
707	2121000136	Đỗ	Thị Mạnh Quỳnh	CLC_21DQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	3,03	76,70	Khá
708	2121003140	Võ	Thị Kim Thanh	CLC_21DQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	3,07	76,50	Khá
709	2121002945	Lê	Đăng Phương Thi	CLC_21DQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	2,81	66,60	Khá
710	2121000220	Nguyễn	Thị Anh Thu	CLC_21DQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	3,09	71,70	Khá
711	2121000227	Phạm	Hữu Thuận	CLC_21DQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	2,71	69,80	Khá
712	2121003183	Huỳnh	Kiều Diễm Thúy	CLC_21DQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	3,13	75,80	Khá
713	2121003222	Nguyễn	Trần Ngọc Trân	CLC_21DQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	2,82	72,90	Khá
714	2121000067	Hồ	Thanh Trúc	CLC_21DQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	2,86	72,50	Khá
715	2121003125	Nguyễn	Thị Phương Uyên	CLC_21DQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	2,97	66,50	Khá
716	2121000033	Nguyễn	Tường Vy	CLC_21DQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	3,17	76,70	Khá
717	2121003249	Chu	Trần Gia Huy	CLC_21DQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	3,18	83,60	Khá
718	2121003010	Abing	Phạm Khánh Linh	CLC_21DQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	3,09	82,30	Khá
719	2121003124	Võ	Lê Tuyết Minh	CLC_21DQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	2,96	82,90	Khá
720	2121003232	Nguyễn	Bùi Thanh Ngân	CLC_21DQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	3,01	86,90	Khá
721	2121000073	Trương	Mẫn Như	CLC_21DQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	3,12	94,40	Khá

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Khoa	KQHT	KQRL	Danh hiệu
722	2121002881	Huỳnh Thị Thảo	Quyên	CLC_21DQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	2,88	73,30	Khá
723	2121003212	Lê Quang	Vinh	CLC_21DQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	3,26	67,10	Khá
724	2121003154	Nguyễn Ngọc Như	Ý	CLC_21DQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	3,11	88,80	Khá
725	2121012232	Nguyễn Quốc	Dũng	CLC_21DQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	2,92	79,00	Khá
726	2121012165	Đông Sỹ Khánh	Linh	CLC_21DQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	2,98	71,10	Khá
727	2121013763	Trần Linh	Linh	CLC_21DQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	3,13	77,50	Khá
728	2121003047	Đào Đoàn Ngọc	Minh	CLC_21DQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	3,02	71,00	Khá
729	2121012467	Nguyễn Phương	Quỳnh	CLC_21DQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	3,05	84,50	Khá
730	2121000078	Bùi Thị Tuyết	Sương	CLC_21DQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	3,09	70,10	Khá
731	2121013752	Phan Gia	Linh	CLC_21DQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	3,07	87,00	Khá
732	2121011875	Đinh Hoài Yến	Nhi	CLC_21DQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	3,18	70,60	Khá
733	2121013712	Nguyễn Thị Trúc	Phương	CLC_21DQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	3,17	78,50	Khá
734	2121012643	Trần Thị Hoài	Thương	CLC_21DQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	3,12	74,40	Khá
735	2121012255	Ngô Thị Diễm	Châu	CLC_21DQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	3,14	75,40	Khá
736	2121012265	Phan Ngọc Đăng	Châu	CLC_21DQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	3,09	78,70	Khá
737	2121013457	Nguyễn Hoàng Hữu Thủy	Cường	CLC_21DQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	3,32	69,10	Khá
738	2121012666	Hồ Minh	Hiếu	CLC_21DQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	3,07	70,70	Khá
739	2121012831	Lê Thị Yến	Nhi	CLC_21DQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	3,02	68,80	Khá
740	2121012658	Đỗ Thụy Trúc	Phương	CLC_21DQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	3,09	75,70	Khá
741	2121013627	Trần Minh	Quân	CLC_21DQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	3,03	65,80	Khá
742	2121012132	Nguyễn Phụng	Tường	CLC_21DQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	2,99	73,00	Khá
743	2121011879	Huỳnh Ái	Nhi	CLC_21DQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	2,99	69,90	Khá
744	2121013432	Bùi Nguyễn Thu	Trúc	CLC_21DQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	3,07	80,40	Khá
745	2121012093	Trần Thanh Như	Ý	CLC_21DQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	3,30	76,20	Khá
746	2121009655	Nguyễn Võ Hoàng	Duy	IP_21DQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	3,07	70,50	Khá
747	2121009664	Nguyễn Đức	Trường	IP_21DQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	2,80	71,60	Khá
748	2121009092	Lê Thị Kim	An	21DIF	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,79	87,70	Khá
749	2121012960	Dương Tấn	Đạt	21DIF	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,02	87,90	Khá
750	2121002520	Nguyễn Bảo	Duy	21DIF	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,14	82,00	Khá

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Khoa	KQHT	KQRL	Danh hiệu
751	2121008830	Huỳnh Nguyên	Khánh	21DIF	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,04	68,40	Khá
752	2121012152	Nguyễn Thụy Thanh	Loan	21DIF	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,05	82,80	Khá
753	2121009024	Trần Thị Thảo	Loan	21DIF	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,08	78,20	Khá
754	2121008624	Bùi Thị Diệu	My	21DIF	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,95	79,10	Khá
755	2121009045	Võ Ngọc Huỳnh	Như	21DIF	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,83	80,00	Khá
756	2121008403	Trương Mạnh	Quyên	21DIF	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,70	70,70	Khá
757	2121002400	Lê Thị Như	Quỳnh	21DIF	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,24	79,30	Khá
758	2121008426	Lê Anh	Thư	21DIF	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,79	71,80	Khá
759	2121009040	Nguyễn Thị Bảo	Trân	21DIF	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,76	78,90	Khá
760	2121002383	Trương Trịnh Lê	Uy	21DIF	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,85	88,70	Khá
761	2121008800	Lê Nhã	Vy	21DIF	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,64	70,50	Khá
762	2121012687	Nguyễn Triệu	Vy	21DIF	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,85	68,40	Khá
763	2121012374	Trần Hải	Anh	21DNH1	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,91	74,50	Khá
764	2121011627	Nguyễn Thúy	Diễm	21DNH1	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,00	69,40	Khá
765	2121002441	Đỗ Lê Thảo	Duy	21DNH1	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,83	76,80	Khá
766	2121013479	Nguyễn Ngọc Mỹ	Duyên	21DNH1	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,18	81,30	Khá
767	2121008731	Nguyễn Thị Thu	Hiền	21DNH1	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,15	75,40	Khá
768	2121013682	Trương Huy	Hùng	21DNH1	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,14	91,90	Khá
769	2121013232	Nguyễn Lê Trọng	Khải	21DNH1	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,89	89,60	Khá
770	2121012530	Trần Gia	Khánh	21DNH1	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,28	75,90	Khá
771	2121012288	Võ Thanh	Kiệt	21DNH1	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,77	93,70	Khá
772	2121011563	Nguyễn Thanh	Kim	21DNH1	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,06	85,90	Khá
773	2121012166	Đặng Thị Yến	Linh	21DNH1	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,75	74,10	Khá
774	2121008490	Trần Thị Xuân	Mai	21DNH1	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,13	92,90	Khá
775	2121008708	Phan Thị Kim	Ngân	21DNH1	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,82	92,10	Khá
776	2121002470	Phan Thị Bảo	Ngọc	21DNH1	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,82	68,70	Khá
777	2121008834	Trương Thị Thanh	Nhàn	21DNH1	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,05	78,90	Khá
778	2121008966	Nguyễn Hồ Bảo	Nhi	21DNH1	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,23	77,40	Khá
779	2121008642	Nguyễn Thị Yến	Nhi	21DNH1	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,27	79,10	Khá

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Khoa	KQHT	KQRL	Danh hiệu
780	2121012069	Lê Quỳnh	Như	21DNH1	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,09	76,90	Khá
781	2121002467	Võ Thụy Mai	Như	21DNH1	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,14	82,20	Khá
782	2121008889	Đặng Lê	Ny	21DNH1	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,16	81,70	Khá
783	2121002371	Nguyễn Thế	Phú	21DNH1	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,13	86,30	Khá
784	2121008826	Nguyễn Hoàng Ngọc	Quý	21DNH1	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,04	80,00	Khá
785	2121012455	Thái Tú	Quyên	21DNH1	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,03	77,00	Khá
786	2121008756	Lê Thị Phương	Quỳnh	21DNH1	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,19	84,60	Khá
787	2121009001	Nguyễn Huỳnh Minh	Thanh	21DNH1	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,15	81,30	Khá
788	2121012756	Võ Đình	Thành	21DNH1	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,16	66,50	Khá
789	2121008821	Bùi Thị Ánh	Thi	21DNH1	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,12	89,00	Khá
790	2121011236	Trần Nhã	Thi	21DNH1	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,06	70,00	Khá
791	2121008579	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	21DNH1	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,16	86,90	Khá
792	2121008523	Đỗ Thị Thanh	Thùy	21DNH1	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,02	72,10	Khá
793	2121002379	Lê Ngọc Thanh	Trà	21DNH1	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,00	89,40	Khá
794	2121012012	Đinh Thu	Trang	21DNH1	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,90	88,20	Khá
795	2121002355	Trần Đặng Nhã	Trúc	21DNH1	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,04	72,70	Khá
796	2121008476	Vy Ngọc Phương	Uyên	21DNH1	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,26	74,60	Khá
797	2121002279	Đoàn Thanh	Vân	21DNH1	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,20	69,70	Khá
798	2121009023	Nguyễn Thị	Vân	21DNH1	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,06	77,00	Khá
799	2121008683	Phạm Công Tuấn	Anh	21DNH2	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,06	70,90	Khá
800	2121012886	Nguyễn Tất	Chiến	21DNH2	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,22	76,30	Khá
801	2121008653	Nguyễn Lý Quỳnh	Dao	21DNH2	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,08	74,50	Khá
802	2121008629	Nguyễn Vũ	Duy	21DNH2	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,17	84,10	Khá
803	2121008767	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	21DNH2	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,07	77,30	Khá
804	2121012489	Nguyễn Nhật	Hào	21DNH2	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,14	91,10	Khá
805	2121011749	Đặng Cao	Khang	21DNH2	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,07	73,50	Khá
806	2121013766	Trần Thị Cẩm	Linh	21DNH2	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,07	81,50	Khá
807	2121002212	Nguyễn Yên	Như	21DNH2	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,14	70,00	Khá
808	2121013213	Phan Quỳnh	Như	21DNH2	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,03	74,90	Khá

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Khoa	KQHT	KQRL	Danh hiệu
809	2121011814	Nguyễn Phan Sun	Ny	21DNH2	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,12	92,10	Khá
810	2121012464	Nguyễn Ngọc Xuân	Quỳnh	21DNH2	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,16	88,50	Khá
811	2121002258	Trương Hoài	Thanh	21DNH2	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,03	84,60	Khá
812	2121011300	Tạ Bích	Thảo	21DNH2	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,91	74,30	Khá
813	2121008955	Nguyễn Thị Kim	Thi	21DNH2	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,94	73,20	Khá
814	2121008810	A Thị Như	Truyền	21DNH2	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,11	90,70	Khá
815	2121012088	Nguyễn Thị Mai	Uyên	21DNH2	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,11	81,40	Khá
816	2121011936	Bùi Thị Ái	Vân	21DNH2	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,94	87,80	Khá
817	2121002416	Đặng Thị Ngọc	Vân	21DNH2	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,02	75,00	Khá
818	2121011629	Trần Thùy	Diễm	21DTC1	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,31	69,20	Khá
819	2121006446	Huỳnh Văn	Duy	21DTC1	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,98	90,40	Khá
820	2121012683	Vũ Trọng Minh	Hiếu	21DTC1	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,15	78,40	Khá
821	2121009078	Trần Thị Ngọc	Huyền	21DTC1	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,94	81,00	Khá
822	2121008839	Nguyễn Hà	Phương	21DTC1	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,36	75,00	Khá
823	2121008912	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	21DTC1	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,28	78,30	Khá
824	2121013101	Đỗ Tuấn	Anh	21DTC2	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,22	77,00	Khá
825	2121008632	Lê Thị	Hậu	21DTC2	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,05	87,30	Khá
826	2121002374	Võ Thị	Na	21DTC2	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,50	76,80	Khá
827	2121012611	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	21DTC2	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,10	81,30	Khá
828	2121002535	Trương Hồng	Phúc	21DTC2	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,13	87,70	Khá
829	2121012590	Phạm Lê	Quân	21DTC2	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,20	68,20	Khá
830	2121013663	Phạm Lê Thảo	Sương	21DTC2	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,07	90,70	Khá
831	2121002547	Nguyễn Thị Ngọc	Thắm	21DTC2	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,95	89,10	Khá
832	2121011786	Trần Thu	Thủy	21DTC2	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,17	80,40	Khá
833	2121012789	Phạm Anh	Tú	21DTC2	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,55	78,40	Khá
834	2121008842	Lê Nguyễn Lan	Vy	21DTC2	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,17	74,70	Khá
835	2121002296	Huỳnh Văn	Hưng	21DTC3	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,01	84,80	Khá
836	2121008848	Trần Tổ	Như	21DTC3	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,01	81,00	Khá
837	2121013665	Đỗ Phát	Tài	21DTC3	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,19	83,60	Khá

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Khoa	KQHT	KQRL	Danh hiệu
838	2121011646	Dương Nguyên Hoàng	Thi	21DTC3	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,24	79,70	Khá
839	2121013085	Trần Thủy	Trúc	21DTC3	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,12	74,80	Khá
840	2121011921	Phạm Thị Thu	Uyên	21DTC3	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,92	82,20	Khá
841	2121011299	Nguyễn Yến	Vy	21DTC3	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,36	79,50	Khá
842	2121010180	Lâm Thái	Bảo	CLC_21DNH01	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,89	68,00	Khá
843	2121004528	Lâm Chanh	Đa	CLC_21DNH01	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,90	67,10	Khá
844	2121000708	Lê Thị Như	Huỳnh	CLC_21DNH01	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,66	76,10	Khá
845	2121000749	Nguyễn Chí	Khanh	CLC_21DNH01	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,86	76,40	Khá
846	2121004502	Nguyễn Tấn	Kiệt	CLC_21DNH01	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,19	93,30	Khá
847	2121004594	Trần Uyên Bảo	Ngọc	CLC_21DNH01	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,67	67,40	Khá
848	2121004695	Võ Chí	Thiện	CLC_21DNH01	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,11	72,40	Khá
849	2121004554	Lê Kim	Thư	CLC_21DNH01	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,93	75,00	Khá
850	2121004488	Phan Việt Gia	Thư	CLC_21DNH01	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,03	76,30	Khá
851	2121004474	Võ Thụy Anh	Thư	CLC_21DNH01	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,08	71,10	Khá
852	2121011842	Cao Thị Thủy	Tiên	CLC_21DNH01	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,67	67,80	Khá
853	2121000730	Phạm Nguyễn Thu	Trang	CLC_21DNH01	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,07	72,20	Khá
854	2121000775	Phạm Thị Đoan	Trang	CLC_21DNH01	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,05	81,60	Khá
855	2121013081	Phạm Thoại Đăng	Trúc	CLC_21DNH01	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,93	88,20	Khá
856	2121004803	Trần Đình Phương	Uyên	CLC_21DNH01	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,89	76,20	Khá
857	2121012048	Phan Tường	Vi	CLC_21DNH01	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,77	67,50	Khá
858	2121012049	Phan Võ Tường	Vi	CLC_21DNH01	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,98	72,60	Khá
859	2121011770	Nguyễn Thị Mai	Anh	CLC_21DNH02	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,57	68,70	Khá
860	2121011695	Mai Thị Thu	Dương	CLC_21DNH02	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,97	91,00	Khá
861	2121011976	Nguyễn Tạ Gia	Ngọc	CLC_21DNH02	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,90	85,30	Khá
862	2121011862	Nguyễn Tuyết	Nhân	CLC_21DNH02	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,11	75,80	Khá
863	2121011874	Đào Yến	Nhi	CLC_21DNH02	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,85	78,70	Khá
864	2121013576	Võ Ngọc	Quý	CLC_21DNH02	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,03	84,30	Khá
865	2121012498	Võ Nguyễn Hoàng	Quyên	CLC_21DNH02	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,05	96,40	Khá
866	2121013741	Văn Thị Mỹ	Tâm	CLC_21DNH02	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,97	88,40	Khá

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Khoa	KQHT	KQRL	Danh hiệu
867	2121011902	Lê Huyền Thu	Thảo	CLC_21DNH02	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,12	79,30	Khá
868	2121011909	Nguyễn Ngọc Vy	Thảo	CLC_21DNH02	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,15	90,30	Khá
869	2121013289	Trần Phương	Thảo	CLC_21DNH02	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,05	88,70	Khá
870	2121012027	Nguyễn Ngọc Thùy	Trang	CLC_21DNH02	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,74	84,40	Khá
871	2121013435	Lê Nguyễn Thanh	Trúc	CLC_21DNH02	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,02	88,90	Khá
872	2121012262	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	CLC_21DTC01	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,04	83,50	Khá
873	2121008897	Nguyễn Thị Ngọc	Diệu	CLC_21DTC01	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,73	78,10	Khá
874	2121005407	Phạm Thị Tuyết	Mai	CLC_21DTC01	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,07	90,80	Khá
875	2121004790	Đinh Quang	Minh	CLC_21DTC01	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,90	71,80	Khá
876	2121004495	Nguyễn Duy	Minh	CLC_21DTC01	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,89	78,30	Khá
877	2121011544	Nguyễn Ngọc Trà	My	CLC_21DTC01	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,94	69,40	Khá
878	2121004858	Lê Vũ Ngọc	Nga	CLC_21DTC01	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,11	84,90	Khá
879	2121013541	Vũ Thị Kim	Ngân	CLC_21DTC01	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,03	82,00	Khá
880	2121004693	Trần Tiến Thảo	Nguyên	CLC_21DTC01	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,02	80,00	Khá
881	2121008707	Nguyễn Phạm Huỳnh Như		CLC_21DTC01	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,18	82,20	Khá
882	2121010223	Nguyễn Phan Thanh	Nữ	CLC_21DTC01	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,90	78,20	Khá
883	2121004783	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	CLC_21DTC01	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,98	80,60	Khá
884	2121011834	Nguyễn Hữu	Phát	CLC_21DTC01	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,79	76,10	Khá
885	2121013579	Hồ Gia Bảo	Quyên	CLC_21DTC01	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,19	85,60	Khá
886	2121001476	Phan Thị Như	Thùy	CLC_21DTC01	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,24	76,30	Khá
887	2121004840	Huỳnh Phan Như	Tuyền	CLC_21DTC01	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,90	88,70	Khá
888	2121004772	Nguyễn Khánh	Vân	CLC_21DTC01	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,72	74,40	Khá
889	2121000733	Trần Thị Hải	Yến	CLC_21DTC01	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,09	77,10	Khá
890	2121011480	Lại Nguyễn Thái	Bảo	CLC_21DTC02	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,20	76,00	Khá
891	2121013464	Nguyễn Hoàng	Danh	CLC_21DTC02	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,47	74,60	Khá
892	2121013403	Trần Duy	Hưng	CLC_21DTC02	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,38	77,80	Khá
893	2121012718	Võ Thị Ngọc	Huyền	CLC_21DTC02	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,33	67,50	Khá
894	2121000803	Trương Mỹ	Ly	CLC_21DTC02	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,69	76,10	Khá
895	2121012213	Lê Nhật	Minh	CLC_21DTC02	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,30	72,10	Khá

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Khoa	KQHT	KQRL	Danh hiệu
896	2121004657	Nguyễn Ty	Na	CLC_21DTC02	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,97	72,40	Khá
897	2121000722	Trần Thị Thanh	Nga	CLC_21DTC02	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,95	65,70	Khá
898	2121004732	Nguyễn Thị Mỹ	Ngân	CLC_21DTC02	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,38	74,10	Khá
899	2121004779	Võ Ngọc Hiểu	Phương	CLC_21DTC02	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,75	71,80	Khá
900	2121004807	Đỗ Như	Quỳnh	CLC_21DTC02	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,83	66,90	Khá
901	2121010120	Phạm Nguyễn Thảo	Quỳnh	CLC_21DTC02	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,54	79,60	Khá
902	2121004850	Vũ Kim	Thu	CLC_21DTC02	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,15	71,00	Khá
903	2121004818	Ngô Trương Huệ	Trân	CLC_21DTC02	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,69	72,70	Khá
904	2121004845	Đặng Trần Thảo	Vy	CLC_21DTC02	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,11	71,30	Khá
905	2121004760	Nguyễn Thúy	Vy	CLC_21DTC02	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,14	66,50	Khá
906	2121012552	Nguyễn Trương Thùy	An	CLC_21DTC03	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,98	68,40	Khá
907	2121012553	Nhan Bảo Di	An	CLC_21DTC03	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,15	78,10	Khá
908	2121012312	Trương Ngọc Vân	Đan	CLC_21DTC03	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,83	72,20	Khá
909	2121013415	Đoàn Thị Việt	Hương	CLC_21DTC03	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,89	81,00	Khá
910	2121010241	Phạm Anh	Khôi	CLC_21DTC03	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,81	76,60	Khá
911	2121004827	Nguyễn Thị Ly	Na	CLC_21DTC03	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,95	78,40	Khá
912	2121012419	Nguyễn Đoàn Thảo	Nguyên	CLC_21DTC03	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,57	68,20	Khá
913	2121012063	Hoàng Nhi Yến	Như	CLC_21DTC03	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,96	66,90	Khá
914	2121004692	Lê Thụy Kiều	Oanh	CLC_21DTC03	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,09	74,70	Khá
915	2121000762	Nguyễn Lê Phương	Thảo	CLC_21DTC03	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,87	70,50	Khá
916	2121000797	Võ Hoàng Phương	Thảo	CLC_21DTC03	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,53	72,60	Khá
917	2121004831	Phạm Lê Thảo	Trâm	CLC_21DTC03	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,91	75,20	Khá
918	2121004435	Nguyễn Quốc Phượng	Trình	CLC_21DTC03	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,23	78,40	Khá
919	2121004862	Nguyễn Thảo	Vy	CLC_21DTC03	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,78	69,60	Khá
920	2121004598	Đặng Thị Ngọc	Bích	CLC_21DTC04	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,54	81,60	Khá
921	2121012218	Lê Thùy	Dung	CLC_21DTC04	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,06	74,60	Khá
922	2121013831	Vũ Ngọc Phương	Nghi	CLC_21DTC04	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,09	76,80	Khá
923	2121004646	Lê Võ Phương	Nhi	CLC_21DTC04	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,29	66,50	Khá
924	2121004569	Tạ Ngọc	Oanh	CLC_21DTC04	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,33	73,10	Khá

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Khoa	KQHT	KQRL	Danh hiệu
925	2121010138	Dur Thị Kim	Quỳnh	CLC_21DTC04	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,32	72,70	Khá
926	2121004857	Lê Diễm	Quỳnh	CLC_21DTC04	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,65	75,10	Khá
927	2121012037	Trần Minh	Trí	CLC_21DTC04	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,83	77,20	Khá
928	2121011584	Vũ Nguyễn Tú	Trình	CLC_21DTC04	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,05	77,40	Khá
929	2121013439	Nguyễn Đặng Thanh	Trúc	CLC_21DTC04	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,09	77,90	Khá
930	2121012047	Phan Ngọc Trúc	Vi	CLC_21DTC04	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,39	78,70	Khá
931	2121013516	Dương Thị Khánh	Ân	CLC_21DTC05	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,08	76,90	Khá
932	2121012354	Nguyễn Trần Thiên	Anh	CLC_21DTC05	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,10	81,60	Khá
933	2121011676	Diệp Huy	Bằng	CLC_21DTC05	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,94	75,00	Khá
934	2121012707	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	CLC_21DTC05	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,17	84,00	Khá
935	2121012512	Phạm Thế	Khang	CLC_21DTC05	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,90	83,00	Khá
936	2121013237	Bùi Trần Đăng	Khoa	CLC_21DTC05	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,59	65,20	Khá
937	2121013794	Đỗ Thị Ngọc	Mai	CLC_21DTC05	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,61	72,50	Khá
938	2121013176	Phan Công	Minh	CLC_21DTC05	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,91	65,50	Khá
939	2121011543	Nguyễn Kiều Tố	My	CLC_21DTC05	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,17	74,60	Khá
940	2121013276	Đỗ Minh Hạnh	Ngân	CLC_21DTC05	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,90	80,20	Khá
941	2121012607	Nguyễn Ngọc Thảo	Ngân	CLC_21DTC05	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,75	69,50	Khá
942	2121011958	Lê Thị Ánh	Ngọc	CLC_21DTC05	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,14	68,30	Khá
943	2121011598	Trần Lưu Khánh	Phúc	CLC_21DTC05	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,93	69,00	Khá
944	2121012453	Phạm Nguyễn Thảo	Quyên	CLC_21DTC05	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,11	72,90	Khá
945	2121013567	Vũ Nguyễn Diễm	Quỳnh	CLC_21DTC05	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,93	88,70	Khá
946	2121013368	Phạm Công	Tiến	CLC_21DTC05	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,40	68,00	Khá
947	2121013057	Trần Thảo	Ly	CLC_21DTC06	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,04	74,30	Khá
948	2121011973	Nguyễn Lâm Bảo	Ngọc	CLC_21DTC06	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,77	72,80	Khá
949	2121012911	Phạm Nguyễn Như	Ngọc	CLC_21DTC06	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,97	86,70	Khá
950	2121012847	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	CLC_21DTC06	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,83	80,40	Khá
951	2121011838	Nguyễn Triệu	Phát	CLC_21DTC06	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,15	84,00	Khá
952	2121013750	Nguyễn Quốc	Thái	CLC_21DTC06	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,59	75,70	Khá
953	2121012978	Lê Quốc	Thắng	CLC_21DTC06	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,95	73,00	Khá

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Khoa	KQHT	KQRL	Danh hiệu
954	2121013284	Nguyễn Vũ Thạch	Thảo	CLC_21DTC06	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,86	69,30	Khá
955	2121012990	Lê Ngọc	Thịnh	CLC_21DTC06	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,70	72,90	Khá
956	2121013671	Trần Ngọc Đoan	Trang	CLC_21DTC06	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,06	84,60	Khá
957	2121012125	Nguyễn Thị Xuân	Tuyền	CLC_21DTC06	Khoa Tài chính - Ngân hàng	2,93	81,20	Khá
958	2121012665	Vũ Hoàng	Hiệp	CLC_21DTC07	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,13	78,10	Khá
959	2121013014	Nguyễn Ngọc Bảo	Linh	CLC_21DTC07	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,05	82,40	Khá
960	2121006275	Lê Thị Xuân	Ngân	CLC_21DTC07	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,19	74,50	Khá
961	2121011866	Bùi Thanh	Nhi	CLC_21DTC07	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,12	82,80	Khá
962	2121012532	Trần Thị Uyên	Nhi	CLC_21DTC07	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,03	80,10	Khá
963	2121013787	Nguyễn Kiều Phượng	Thanh	CLC_21DTC07	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,05	81,90	Khá
964	2121011901	Lâm Thị Ngọc	Thảo	CLC_21DTC07	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,05	75,10	Khá
965	2121013473	Mạch Đăng Kỳ	Duyên	21DKQ1	Khoa Thương mại và Du lịch	2,96	73,30	Khá
966	2121011609	Vũ Thị	Hạnh	21DKQ1	Khoa Thương mại và Du lịch	2,85	72,80	Khá
967	2121013331	Lê Thị Kim	Hồng	21DKQ1	Khoa Thương mại và Du lịch	2,79	81,80	Khá
968	2121008156	Trần Mạnh	Lộc	21DKQ1	Khoa Thương mại và Du lịch	2,81	69,00	Khá
969	2121013497	Nguyễn Thị Thùy	Nhung	21DKQ1	Khoa Thương mại và Du lịch	2,76	74,90	Khá
970	2121008201	Nguyễn Nữ Như	Quỳnh	21DKQ1	Khoa Thương mại và Du lịch	3,09	86,20	Khá
971	2121011652	Trần Phạm Mai	Thi	21DKQ1	Khoa Thương mại và Du lịch	2,95	65,70	Khá
972	2121012638	Nguyễn Thị Quỳnh	Thương	21DKQ1	Khoa Thương mại và Du lịch	2,80	72,40	Khá
973	2121013362	Võ Trần Tú	Tiên	21DKQ1	Khoa Thương mại và Du lịch	3,04	66,20	Khá
974	2121002165	Trần Thị Ngọc	Trâm	21DKQ1	Khoa Thương mại và Du lịch	2,85	75,90	Khá
975	2121011573	Nguyễn Phan Phượng	Trinh	21DKQ1	Khoa Thương mại và Du lịch	2,85	80,30	Khá
976	2121002111	Khru Huệ	Bảo	21DKQ2	Khoa Thương mại và Du lịch	2,66	73,70	Khá
977	2121008231	Ngô Mỹ	Duyên	21DKQ2	Khoa Thương mại và Du lịch	3,03	77,80	Khá
978	2121011804	Hoàng Thị	Gấm	21DKQ2	Khoa Thương mại và Du lịch	2,88	83,90	Khá
979	2121013323	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	21DKQ2	Khoa Thương mại và Du lịch	2,93	74,60	Khá
980	2121013243	Nguyễn Hà Minh	Khoa	21DKQ2	Khoa Thương mại và Du lịch	2,91	82,40	Khá
981	2121012170	Hồ Nguyễn Khánh	Linh	21DKQ2	Khoa Thương mại và Du lịch	2,94	81,50	Khá
982	2121002184	Đặng Thị Yến	Nhi	21DKQ2	Khoa Thương mại và Du lịch	2,88	78,00	Khá

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Khoa	KQHT	KQRL	Danh hiệu
983	2121011870	Đỗ Đạt	Nhi	21DKQ2	Khoa Thương mại và Du lịch	2,75	76,60	Khá
984	2121012458	Mạnh Thị Diễm	Quỳnh	21DKQ2	Khoa Thương mại và Du lịch	3,19	75,60	Khá
985	2121002160	Đoàn Duy	Tân	21DKQ2	Khoa Thương mại và Du lịch	3,08	83,50	Khá
986	2121012564	Lê Nguyễn Thảo	Trân	21DKQ2	Khoa Thương mại và Du lịch	2,95	68,10	Khá
987	2121005715	Huỳnh Phạm Huyền	Diệu	21DKS01	Khoa Thương mại và Du lịch	3,02	73,40	Khá
988	2121005799	Nguyễn Như	Huỳnh	21DKS01	Khoa Thương mại và Du lịch	3,05	73,90	Khá
989	2121005610	Vũ Thị Khánh	Linh	21DKS01	Khoa Thương mại và Du lịch	3,10	74,10	Khá
990	2121001247	Đoàn Thị Kim	Ngân	21DKS01	Khoa Thương mại và Du lịch	3,03	83,80	Khá
991	2121001276	Nguyễn Văn Hoài	Phong	21DKS01	Khoa Thương mại và Du lịch	3,07	65,60	Khá
992	2121005758	Hoàng Lê Thu	Thảo	21DKS01	Khoa Thương mại và Du lịch	3,08	80,00	Khá
993	2121005710	Nguyễn Trương Trọng	Thảo	21DKS01	Khoa Thương mại và Du lịch	3,23	76,90	Khá
994	2121005653	Nguyễn Lê Hồng	Thiên	21DKS01	Khoa Thương mại và Du lịch	3,10	78,30	Khá
995	2121005643	Nguyễn Hà	Trang	21DKS01	Khoa Thương mại và Du lịch	3,28	79,00	Khá
996	2121005698	Trần Hiếu	Trang	21DKS01	Khoa Thương mại và Du lịch	3,05	85,50	Khá
997	2121005629	Lê Khánh	Vi	21DKS01	Khoa Thương mại và Du lịch	3,00	87,40	Khá
998	2121005713	Nguyễn Tường	Vy	21DKS01	Khoa Thương mại và Du lịch	3,18	78,70	Khá
999	2121005764	Huỳnh Thanh	Hồng	21DKS02	Khoa Thương mại và Du lịch	3,29	76,60	Khá
1000	2121005551	Đoàn Thị Quỳnh	Hương	21DKS02	Khoa Thương mại và Du lịch	3,14	79,40	Khá
1001	2121001252	Đậu Nhật	Linh	21DKS02	Khoa Thương mại và Du lịch	3,14	81,20	Khá
1002	2121005805	Trần Lâm Thảo	Nguyên	21DKS02	Khoa Thương mại và Du lịch	3,38	79,50	Khá
1003	2121013391	Trần Anh	Thư	21DKS02	Khoa Thương mại và Du lịch	3,11	69,90	Khá
1004	2121001214	Chu Trần Khuê	Tú	21DKS02	Khoa Thương mại và Du lịch	3,37	76,30	Khá
1005	2121012969	Lê Tiến	Đạt	21DKS03	Khoa Thương mại và Du lịch	3,19	71,80	Khá
1006	2121013159	Nguyễn Dương Ngọc Hân		21DKS03	Khoa Thương mại và Du lịch	3,02	66,80	Khá
1007	2121011723	Lê Thu	Ngân	21DKS03	Khoa Thương mại và Du lịch	3,00	80,10	Khá
1008	2121011590	Huỳnh Hồng	Phúc	21DKS03	Khoa Thương mại và Du lịch	3,15	75,60	Khá
1009	2121013848	Phạm Quang	Vinh	21DKS03	Khoa Thương mại và Du lịch	3,31	79,10	Khá
1010	2121008175	Nguyễn Thu	An	21DLG1	Khoa Thương mại và Du lịch	3,02	82,40	Khá
1011	2121013907	Nguyễn Duy	Bình	21DLG1	Khoa Thương mại và Du lịch	3,15	74,40	Khá

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Khoa	KQHT	KQRL	Danh hiệu
1012	2121011628	Trần Lê Thúy	Diễm	21DLG1	Khoa Thương mại và Du lịch	3,24	73,40	Khá
1013	2121002092	Hương Thị Thùy	Dung	21DLG1	Khoa Thương mại và Du lịch	3,15	82,60	Khá
1014	2121012178	Lâm Nhật	Linh	21DLG1	Khoa Thương mại và Du lịch	3,22	77,20	Khá
1015	2121011715	Huỳnh Ý	Ngân	21DLG1	Khoa Thương mại và Du lịch	3,10	86,80	Khá
1016	2121008255	Võ Thị Như	Ngọc	21DLG1	Khoa Thương mại và Du lịch	3,18	95,30	Khá
1017	2121008367	Huỳnh Lê Khánh	Như	21DLG1	Khoa Thương mại và Du lịch	3,14	90,10	Khá
1018	2121008253	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	21DLG1	Khoa Thương mại và Du lịch	3,02	82,00	Khá
1019	2121013709	Nguyễn Thị Ngọc	Phương	21DLG1	Khoa Thương mại và Du lịch	3,14	86,50	Khá
1020	2121013580	Huỳnh Thị Mỹ	Quyên	21DLG1	Khoa Thương mại và Du lịch	3,17	77,30	Khá
1021	2121012460	Nguyễn Đông Như	Quỳnh	21DLG1	Khoa Thương mại và Du lịch	3,17	80,60	Khá
1022	2121008134	Nguyễn Thị Thanh	Thư	21DLG1	Khoa Thương mại và Du lịch	2,98	86,30	Khá
1023	2121013699	Bùi Thị	Thúy	21DLG1	Khoa Thương mại và Du lịch	3,10	73,60	Khá
1024	2121002142	Nguyễn Thị Minh	Trâm	21DLG1	Khoa Thương mại và Du lịch	3,12	81,60	Khá
1025	2121013846	Nguyễn Hoàng	Vinh	21DLG1	Khoa Thương mại và Du lịch	3,45	75,90	Khá
1026	2121012270	La Thị Trúc	Xuân	21DLG1	Khoa Thương mại và Du lịch	3,25	79,10	Khá
1027	2121011670	Nguyễn Thị Thanh	Bình	21DLG2	Khoa Thương mại và Du lịch	3,33	76,80	Khá
1028	2121008042	Vũ Phương	Duyên	21DLG2	Khoa Thương mại và Du lịch	3,25	76,30	Khá
1029	2121011062	Đinh Ngọc Hân	Hân	21DLG2	Khoa Thương mại và Du lịch	3,10	89,90	Khá
1030	2121013759	Thái Thị Yến	Linh	21DLG2	Khoa Thương mại và Du lịch	3,13	90,40	Khá
1031	2121012137	Võ Thị Nhật	Linh	21DLG2	Khoa Thương mại và Du lịch	3,17	84,60	Khá
1032	2121002185	Nguyễn Sỹ Quốc	Mạnh	21DLG2	Khoa Thương mại và Du lịch	3,36	75,10	Khá
1033	2121008100	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	21DLG2	Khoa Thương mại và Du lịch	3,07	76,90	Khá
1034	2121002148	Nguyễn Thị Hoài	Như	21DLG2	Khoa Thương mại và Du lịch	3,21	75,70	Khá
1035	2121002099	Lê Đức	Phú	21DLG2	Khoa Thương mại và Du lịch	3,26	72,80	Khá
1036	2121013574	Nguyễn Vy	Quý	21DLG2	Khoa Thương mại và Du lịch	3,04	86,80	Khá
1037	2121002198	Hồ Trần Như	Quỳnh	21DLG2	Khoa Thương mại và Du lịch	3,31	75,20	Khá
1038	2121002159	Ngô Minh	Thư	21DLG2	Khoa Thương mại và Du lịch	3,17	80,60	Khá
1039	2121008354	Lâm Thị Hồng	Thúy	21DLG2	Khoa Thương mại và Du lịch	2,97	87,60	Khá
1040	2121008080	Nguyễn Ngọc	Trân	21DLG2	Khoa Thương mại và Du lịch	3,08	78,80	Khá

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Khoa	KQHT	KQRL	Danh hiệu
1041	2121013616	Nguyễn Thị Thu	Trang	21DLG2	Khoa Thương mại và Du lịch	3,25	76,30	Khá
1042	2121012785	Nguyễn Phương Cẩm Tú		21DLG2	Khoa Thương mại và Du lịch	3,19	90,20	Khá
1043	2121008185	Nguyễn Gia Bảo	Vy	21DLG2	Khoa Thương mại và Du lịch	3,22	77,20	Khá
1044	2121001124	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	21DLH1	Khoa Thương mại và Du lịch	3,18	89,60	Khá
1045	2121011665	Lê Thị Hồng	Thắm	21DLH1	Khoa Thương mại và Du lịch	2,91	82,80	Khá
1046	2121013195	Đoàn Thị Thùy	Trâm	21DLH1	Khoa Thương mại và Du lịch	3,00	77,80	Khá
1047	2121001179	Trần Thu	Trang	21DLH1	Khoa Thương mại và Du lịch	2,82	78,00	Khá
1048	2121013434	Lê Hoàng Xuân	Trúc	21DLH1	Khoa Thương mại và Du lịch	3,10	88,20	Khá
1049	2121013071	Nguyễn Mộng Tường	Vy	21DLH1	Khoa Thương mại và Du lịch	2,89	77,40	Khá
1050	2121010415	Trần Hiếu Gia	Bảo	21DLH2	Khoa Thương mại và Du lịch	3,01	76,10	Khá
1051	2121005495	Lê Thị Bích	Hồng	21DLH2	Khoa Thương mại và Du lịch	2,91	66,80	Khá
1052	2121013683	Huỳnh Chí	Huỳnh	21DLH2	Khoa Thương mại và Du lịch	3,22	73,60	Khá
1053	2121005518	Hà Minh	Ngọc	21DLH2	Khoa Thương mại và Du lịch	3,25	77,90	Khá
1054	2121005475	Huỳnh Dương Ngọc	Nhung	21DLH2	Khoa Thương mại và Du lịch	2,98	86,90	Khá
1055	2121000318	Bùi Lâm	Oanh	21DLH2	Khoa Thương mại và Du lịch	3,15	85,50	Khá
1056	2121005374	Đồng Gia	Phúc	21DLH2	Khoa Thương mại và Du lịch	2,90	68,70	Khá
1057	2121005381	Lương Thị Trúc	Quỳnh	21DLH2	Khoa Thương mại và Du lịch	3,00	73,50	Khá
1058	2121012787	Nguyễn Thanh	Tú	21DLH2	Khoa Thương mại và Du lịch	3,17	72,80	Khá
1059	2121001312	Đồng Thị Thiên	Ân	21DQN01	Khoa Thương mại và Du lịch	3,29	65,00	Khá
1060	2121001334	Lương Nguyễn Trúc	Anh	21DQN01	Khoa Thương mại và Du lịch	3,12	72,10	Khá
1061	2121012891	Trần Ánh Minh	Duy	21DQN01	Khoa Thương mại và Du lịch	2,94	85,10	Khá
1062	2121005920	Nguyễn Thị Xuân	Hiền	21DQN01	Khoa Thương mại và Du lịch	3,26	71,10	Khá
1063	2121011617	Phạm Thị Thúy	Hoa	21DQN01	Khoa Thương mại và Du lịch	3,29	74,80	Khá
1064	2121013422	Lê Ngọc Trúc	Hương	21DQN01	Khoa Thương mại và Du lịch	3,39	74,90	Khá
1065	2121001339	Võ Ái	Lâm	21DQN01	Khoa Thương mại và Du lịch	3,18	84,20	Khá
1066	2121013178	Phạm Công	Minh	21DQN01	Khoa Thương mại và Du lịch	3,16	80,00	Khá
1067	2121001303	Nguyễn Thị Diễm	My	21DQN01	Khoa Thương mại và Du lịch	3,16	90,60	Khá
1068	2121011729	Nguyễn Khánh	Ngân	21DQN01	Khoa Thương mại và Du lịch	3,14	77,50	Khá
1069	2121005880	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	21DQN01	Khoa Thương mại và Du lịch	3,07	79,60	Khá

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Khoa	KQHT	KQRL	Danh hiệu
1070	2121005917	Trần Hoàng	Nhi	21DQN01	Khoa Thương mại và Du lịch	3,14	68,00	Khá
1071	2121010532	Lê Tấn	Phát	21DQN01	Khoa Thương mại và Du lịch	3,11	73,90	Khá
1072	2121005918	Nguyễn Trần Minh	Quân	21DQN01	Khoa Thương mại và Du lịch	3,18	73,80	Khá
1073	2121005823	Nguyễn Thành	Trung	21DQN01	Khoa Thương mại và Du lịch	3,31	78,40	Khá
1074	2121005844	Phạm Thanh	Tuyền	21DQN01	Khoa Thương mại và Du lịch	3,13	67,70	Khá
1075	2121012340	Phan Thị Tuyết	Kiều	21DQN02	Khoa Thương mại và Du lịch	3,09	76,70	Khá
1076	2121012420	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	21DQN02	Khoa Thương mại và Du lịch	3,13	72,20	Khá
1077	2121012844	Nguyễn Ngọc Thảo	Nhi	21DQN02	Khoa Thương mại và Du lịch	3,30	72,40	Khá
1078	2121013701	Lại Thụy Kỳ	Phương	21DQN02	Khoa Thương mại và Du lịch	3,31	74,10	Khá
1079	2121012772	Dương Thị Cẩm	Tú	21DQN02	Khoa Thương mại và Du lịch	3,08	76,60	Khá
1080	2121012100	Đỗ Trần Hải	Yến	21DQN02	Khoa Thương mại và Du lịch	3,10	81,30	Khá
1081	2121012849	Nguyễn Thị Ái	Nhi	21DSK	Khoa Thương mại và Du lịch	3,17	74,40	Khá
1082	2121012071	Lưu Tâm	Như	21DSK	Khoa Thương mại và Du lịch	3,17	95,50	Khá
1083	2121012078	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	21DSK	Khoa Thương mại và Du lịch	3,17	87,90	Khá
1084	2121011591	Huỳnh Lê Hồng	Phúc	21DSK	Khoa Thương mại và Du lịch	3,20	79,90	Khá
1085	2121013283	Nguyễn Việt	Thảo	21DSK	Khoa Thương mại và Du lịch	3,22	78,50	Khá
1086	2121011651	Nguyễn Thị Kim	Thi	21DSK	Khoa Thương mại và Du lịch	3,06	81,50	Khá
1087	2121005514	Phạm Hoàng Bảo	Trân	21DSK	Khoa Thương mại và Du lịch	3,23	74,00	Khá
1088	2121011577	Nguyễn Trịnh Ngọc	Trình	21DSK	Khoa Thương mại và Du lịch	3,32	78,20	Khá
1089	2121011071	Nguyễn Thiên	An	21DTM1	Khoa Thương mại và Du lịch	3,22	70,80	Khá
1090	2121008110	Dương Đạt	Duy	21DTM1	Khoa Thương mại và Du lịch	2,97	84,70	Khá
1091	2121008091	Trần Thị Hồng	Hạnh	21DTM1	Khoa Thương mại và Du lịch	3,16	83,00	Khá
1092	2121008391	Nguyễn Vũ Kim	Hòa	21DTM1	Khoa Thương mại và Du lịch	2,84	66,70	Khá
1093	2121008243	Đào Kim	Khánh	21DTM1	Khoa Thương mại và Du lịch	2,90	78,20	Khá
1094	2121008027	Lê Khánh	Ly	21DTM1	Khoa Thương mại và Du lịch	2,96	80,80	Khá
1095	2121008335	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	21DTM1	Khoa Thương mại và Du lịch	2,87	70,60	Khá
1096	2121007989	Phạm Thị Hạ	My	21DTM1	Khoa Thương mại và Du lịch	3,11	85,80	Khá
1097	2121011724	Lê Trần Kim	Ngân	21DTM1	Khoa Thương mại và Du lịch	2,93	72,60	Khá
1098	2121008026	Nguyễn Thị Yến	Ngân	21DTM1	Khoa Thương mại và Du lịch	3,04	81,70	Khá

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Khoa	KQHT	KQRL	Danh hiệu
1099	2121008305	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	21DTM1	Khoa Thương mại và Du lịch	3,15	89,60	Khá
1100	2121012413	Lê Trương Xuân	Nguyên	21DTM1	Khoa Thương mại và Du lịch	3,10	70,60	Khá
1101	2121012824	Nguyễn Thị Thúy	Phi	21DTM1	Khoa Thương mại và Du lịch	2,93	82,90	Khá
1102	2121013710	Nguyễn Thị Thu	Phương	21DTM1	Khoa Thương mại và Du lịch	2,84	75,20	Khá
1103	2121013356	Phan Thị Thủy	Tiên	21DTM1	Khoa Thương mại và Du lịch	2,84	80,80	Khá
1104	2121008140	Nguyễn Thị Ngọc	Trăm	21DTM1	Khoa Thương mại và Du lịch	3,08	81,10	Khá
1105	2121012046	Phan Lê Khải	Vi	21DTM1	Khoa Thương mại và Du lịch	2,96	72,20	Khá
1106	2121008174	Nguyễn Thị Ngọc	Xuân	21DTM1	Khoa Thương mại và Du lịch	3,15	91,90	Khá
1107	2121012546	Nguyễn Khải	An	21DTM2	Khoa Thương mại và Du lịch	3,26	78,90	Khá
1108	2121008179	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	21DTM2	Khoa Thương mại và Du lịch	2,95	80,70	Khá
1109	2121013413	Bùi Thị Thanh	Hương	21DTM2	Khoa Thương mại và Du lịch	3,09	85,50	Khá
1110	2121002127	Nguyễn Trọng	Khải	21DTM2	Khoa Thương mại và Du lịch	2,67	78,30	Khá
1111	2121008145	Đỗ Văn	Minh	21DTM2	Khoa Thương mại và Du lịch	3,37	75,80	Khá
1112	2121008093	Phùng Thị Kiều	My	21DTM2	Khoa Thương mại và Du lịch	2,75	75,20	Khá
1113	2121013260	Nguyễn Thúy	Nga	21DTM2	Khoa Thương mại và Du lịch	3,12	89,50	Khá
1114	2121008020	Thái Thị Thanh	Ngân	21DTM2	Khoa Thương mại và Du lịch	3,19	87,10	Khá
1115	2121008359	Võ Trần Bảo	Ngọc	21DTM2	Khoa Thương mại và Du lịch	2,99	87,30	Khá
1116	2121008154	Hồ Trọng	Nhân	21DTM2	Khoa Thương mại và Du lịch	2,88	72,80	Khá
1117	2121012066	Lê Hoàng Uyển	Như	21DTM2	Khoa Thương mại và Du lịch	3,00	90,30	Khá
1118	2121012663	Huỳnh Thu	Phương	21DTM2	Khoa Thương mại và Du lịch	3,10	93,90	Khá
1119	2121008209	Đặng Nguyên Phương	Thảo	21DTM2	Khoa Thương mại và Du lịch	3,07	85,00	Khá
1120	2121012624	Văn Ngọc Anh	Thư	21DTM2	Khoa Thương mại và Du lịch	3,14	82,10	Khá
1121	2121013352	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	21DTM2	Khoa Thương mại và Du lịch	3,02	80,40	Khá
1122	2121002190	Nguyễn Thị Như	Trinh	21DTM2	Khoa Thương mại và Du lịch	3,06	83,20	Khá
1123	2121002135	Nguyễn Thị Phương	Trinh	21DTM2	Khoa Thương mại và Du lịch	3,07	84,40	Khá
1124	2121013059	Lê Thanh Khả	Vy	21DTM2	Khoa Thương mại và Du lịch	2,83	72,70	Khá
1125	2121004374	Trần Thị Lan	Anh	CLC_21DTM01	Khoa Thương mại và Du lịch	2,65	67,70	Khá
1126	2121004394	Nguyễn Thị Linh	Chi	CLC_21DTM01	Khoa Thương mại và Du lịch	2,84	88,80	Khá
1127	2121004391	Nguyễn Ngân	Hà	CLC_21DTM01	Khoa Thương mại và Du lịch	2,81	70,70	Khá

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Khoa	KQHT	KQRL	Danh hiệu
1128	2121010050	Bùi Thị Xuân	Hòa	CLC_21DTM01	Khoa Thương mại và Du lịch	3,14	81,30	Khá
1129	2121000599	Trần Phú	Hưng	CLC_21DTM01	Khoa Thương mại và Du lịch	2,98	82,40	Khá
1130	2121009817	Nguyễn Phan Khánh	Huyền	CLC_21DTM01	Khoa Thương mại và Du lịch	3,04	89,00	Khá
1131	2121000643	Nguyễn Duy	Khang	CLC_21DTM01	Khoa Thương mại và Du lịch	2,88	77,20	Khá
1132	2121008334	Nguyễn Lê Duy	Khang	CLC_21DTM01	Khoa Thương mại và Du lịch	3,09	69,20	Khá
1133	2121004305	Tô Vĩnh	Khánh	CLC_21DTM01	Khoa Thương mại và Du lịch	2,84	77,00	Khá
1134	2121004019	Huỳnh Tuấn	Kiệt	CLC_21DTM01	Khoa Thương mại và Du lịch	2,91	81,50	Khá
1135	2121004401	Bùi Ngọc Trà	My	CLC_21DTM01	Khoa Thương mại và Du lịch	3,14	81,60	Khá
1136	2121004033	Nguyễn Bảo	Ngân	CLC_21DTM01	Khoa Thương mại và Du lịch	2,65	77,50	Khá
1137	2121004361	Đỗ Trần Bảo	Ngọc	CLC_21DTM01	Khoa Thương mại và Du lịch	2,94	77,60	Khá
1138	2121000671	Trần Mai	Phương	CLC_21DTM01	Khoa Thương mại và Du lịch	2,53	75,70	Khá
1139	2121004222	Hoàng Minh	Quân	CLC_21DTM01	Khoa Thương mại và Du lịch	2,91	90,00	Khá
1140	2121004016	Nguyễn Ngọc Phương	Quỳnh	CLC_21DTM01	Khoa Thương mại và Du lịch	3,04	90,00	Khá
1141	2121000693	Trương Trung	Sơn	CLC_21DTM01	Khoa Thương mại và Du lịch	2,80	82,10	Khá
1142	2121004413	Đặng Trúc	Thảo	CLC_21DTM01	Khoa Thương mại và Du lịch	2,65	70,30	Khá
1143	2121013437	Nguyễn Dương Nhã	Trúc	CLC_21DTM01	Khoa Thương mại và Du lịch	3,16	81,90	Khá
1144	2121004289	Trần Khánh	Vân	CLC_21DTM01	Khoa Thương mại và Du lịch	3,02	87,60	Khá
1145	2121004130	Bùi Ngọc Vân	Anh	CLC_21DTM02	Khoa Thương mại và Du lịch	3,12	71,90	Khá
1146	2121000594	Võ Thị Kim Lan	Anh	CLC_21DTM02	Khoa Thương mại và Du lịch	2,99	91,10	Khá
1147	2121004020	Thái Trần Mỹ	Duyên	CLC_21DTM02	Khoa Thương mại và Du lịch	2,54	74,00	Khá
1148	2121004029	Nguyễn Ngọc	Hoa	CLC_21DTM02	Khoa Thương mại và Du lịch	2,69	76,60	Khá
1149	2121000682	Nguyễn Diên	Hy	CLC_21DTM02	Khoa Thương mại và Du lịch	3,00	73,20	Khá
1150	2121004282	Lê Minh	Khoa	CLC_21DTM02	Khoa Thương mại và Du lịch	3,10	74,80	Khá
1151	2121004363	Nguyễn Thế	Kiệt	CLC_21DTM02	Khoa Thương mại và Du lịch	2,64	73,70	Khá
1152	2121000684	Chu Thị Khánh	Linh	CLC_21DTM02	Khoa Thương mại và Du lịch	2,64	78,60	Khá
1153	2121011488	Nguyễn Xuân	Mai	CLC_21DTM02	Khoa Thương mại và Du lịch	2,89	74,40	Khá
1154	2121004048	Hồ Ngọc	Mỹ	CLC_21DTM02	Khoa Thương mại và Du lịch	2,70	75,70	Khá
1155	2121004412	Nguyễn Diệu	Ngân	CLC_21DTM02	Khoa Thương mại và Du lịch	2,99	75,40	Khá
1156	2121000638	Ngô Thiên	Nhi	CLC_21DTM02	Khoa Thương mại và Du lịch	3,17	95,20	Khá

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Khoa	KQHT	KQRL	Danh hiệu
1157	2121004104	Nguyễn Tấn	Phát	CLC_21DTM02	Khoa Thương mại và Du lịch	2,55	74,60	Khá
1158	2121004103	Nguyễn Ngọc	Thắng	CLC_21DTM02	Khoa Thương mại và Du lịch	2,60	70,70	Khá
1159	2121004228	Đặng Thanh	Trà	CLC_21DTM02	Khoa Thương mại và Du lịch	3,16	91,70	Khá
1160	2121004239	Phạm Thị Thanh	Trúc	CLC_21DTM02	Khoa Thương mại và Du lịch	2,95	86,00	Khá
1161	2121004294	Đặng Nguyễn Kim	Vân	CLC_21DTM02	Khoa Thương mại và Du lịch	3,06	84,50	Khá
1162	2121000555	Hoàng Lê Thanh	Vy	CLC_21DTM02	Khoa Thương mại và Du lịch	3,19	88,40	Khá
1163	2121004039	Nguyễn Thị Hồng	Hân	CLC_21DTM03	Khoa Thương mại và Du lịch	2,99	74,50	Khá
1164	2121010015	Vũ Đức	Hùng	CLC_21DTM03	Khoa Thương mại và Du lịch	2,94	70,10	Khá
1165	2121003942	Lò Thị Trúc	Ngân	CLC_21DTM03	Khoa Thương mại và Du lịch	3,05	87,30	Khá
1166	2121011485	Vũ Xuân	Nhân	CLC_21DTM03	Khoa Thương mại và Du lịch	3,06	85,10	Khá
1167	2121000597	Võ Bửu Nhật	Quang	CLC_21DTM03	Khoa Thương mại và Du lịch	2,72	69,60	Khá
1168	2121009984	Hứa Trịnh	Tâm	CLC_21DTM03	Khoa Thương mại và Du lịch	3,16	72,60	Khá
1169	2121004285	Nguyễn Ngọc Cát	Tiên	CLC_21DTM03	Khoa Thương mại và Du lịch	3,02	77,10	Khá
1170	2121000612	Bùi Thị Ngọc	Trâm	CLC_21DTM03	Khoa Thương mại và Du lịch	2,87	76,10	Khá
1171	2121010047	Võ Nguyễn Tú	Trình	CLC_21DTM03	Khoa Thương mại và Du lịch	2,99	74,50	Khá
1172	2121004245	Dương Lê Tú	Uyên	CLC_21DTM03	Khoa Thương mại và Du lịch	3,19	89,00	Khá
1173	2121004380	Phan Thị Nhật	Vy	CLC_21DTM03	Khoa Thương mại và Du lịch	2,97	77,80	Khá
1174	2121000658	Võ Tường	Vy	CLC_21DTM03	Khoa Thương mại và Du lịch	2,84	76,00	Khá
1175	2121004132	Nguyễn Thanh	Xuân	CLC_21DTM03	Khoa Thương mại và Du lịch	2,77	78,40	Khá
1176	2121004221	Nguyễn Trần Tấn	Lộc	CLC_21DTM04	Khoa Thương mại và Du lịch	2,73	79,90	Khá
1177	2121003996	Nguyễn Thị Hồng	Nhi	CLC_21DTM04	Khoa Thương mại và Du lịch	2,60	69,40	Khá
1178	2121003949	Nguyễn Yến	Nhi	CLC_21DTM04	Khoa Thương mại và Du lịch	3,15	81,10	Khá
1179	2121000570	Nguyễn Tân Nguyệt	Quế	CLC_21DTM04	Khoa Thương mại và Du lịch	2,86	87,00	Khá
1180	2121000558	Phạm Huy	Quyền	CLC_21DTM04	Khoa Thương mại và Du lịch	2,98	79,60	Khá
1181	2121000633	Trần Nhật	Quỳnh	CLC_21DTM04	Khoa Thương mại và Du lịch	2,58	76,30	Khá
1182	2121000626	Nguyễn Viết	Son	CLC_21DTM04	Khoa Thương mại và Du lịch	2,72	77,30	Khá
1183	2121003983	Nguyễn Hoàng Quang	Thái	CLC_21DTM04	Khoa Thương mại và Du lịch	3,15	87,40	Khá
1184	2121004350	Đặng Trần Phương	Thanh	CLC_21DTM04	Khoa Thương mại và Du lịch	3,00	82,10	Khá
1185	2121004331	Phí Thị Thanh	Thủy	CLC_21DTM04	Khoa Thương mại và Du lịch	2,91	81,50	Khá

Sst	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Khoa	KQHT	KQRL	Danh hiệu
1186	2121010095	Bùi Trần Khánh	Vy	CLC_21DTM04	Khoa Thương mại và Du lịch	2,87	65,60	Khá
1187	2121004266	Nguyễn Khánh	Vy	CLC_21DTM04	Khoa Thương mại và Du lịch	3,09	81,70	Khá
1188	2121004214	Trần Thụy Quỳnh	Anh	CLC_21DTM05	Khoa Thương mại và Du lịch	2,81	77,10	Khá
1189	2121003974	Vũ Xuân	Cường	CLC_21DTM05	Khoa Thương mại và Du lịch	2,95	74,50	Khá
1190	2121011811	Bùi Thị Ngọc	Hà	CLC_21DTM05	Khoa Thương mại và Du lịch	2,73	69,80	Khá
1191	2121004255	Nguyễn Ngọc	Hân	CLC_21DTM05	Khoa Thương mại và Du lịch	3,06	80,70	Khá
1192	2121012705	Nguyễn Hoàng Khánh	Huyền	CLC_21DTM05	Khoa Thương mại và Du lịch	3,14	77,90	Khá
1193	2121010021	Trần Quang Anh	Kiệt	CLC_21DTM05	Khoa Thương mại và Du lịch	2,86	91,90	Khá
1194	2121012167	Đoàn Lê Mỹ	Linh	CLC_21DTM05	Khoa Thương mại và Du lịch	3,14	82,90	Khá
1195	2121012209	Châu Thị Hà	Minh	CLC_21DTM05	Khoa Thương mại và Du lịch	3,01	78,40	Khá
1196	2121013274	Cao Thị Thúy	Ngân	CLC_21DTM05	Khoa Thương mại và Du lịch	3,23	72,40	Khá
1197	2121013830	Nguyễn Phương	Nghi	CLC_21DTM05	Khoa Thương mại và Du lịch	2,83	67,50	Khá
1198	2121009993	Lê Thị Quỳnh	Như	CLC_21DTM05	Khoa Thương mại và Du lịch	3,24	78,30	Khá
1199	2121000666	Đặng Nguyễn Anh	Thảo	CLC_21DTM05	Khoa Thương mại và Du lịch	2,82	75,10	Khá
1200	2121012403	Trần Thị Quỳnh	Trâm	CLC_21DTM05	Khoa Thương mại và Du lịch	2,99	73,50	Khá
1201	2121011944	Nguyễn Thái Bảo	Trân	CLC_21DTM05	Khoa Thương mại và Du lịch	2,95	81,50	Khá
1202	2121004351	Lê Tường	Vi	CLC_21DTM05	Khoa Thương mại và Du lịch	2,99	75,00	Khá
1203	2121000603	Trần Nguyễn Tường	Vi	CLC_21DTM05	Khoa Thương mại và Du lịch	2,77	74,60	Khá
1204	2121013851	Giáp Bảo	Việt	CLC_21DTM05	Khoa Thương mại và Du lịch	3,17	67,50	Khá
1205	2121004262	Võ Quỳnh Thảo	Vy	CLC_21DTM05	Khoa Thương mại và Du lịch	2,88	73,20	Khá
1206	2121006999	Nguyễn Phúc Nhã	An	CLC_21DTM06	Khoa Thương mại và Du lịch	2,83	76,90	Khá
1207	2121009076	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	CLC_21DTM06	Khoa Thương mại và Du lịch	2,89	72,20	Khá
1208	2121001514	Lê Ngô Quốc	Đạt	CLC_21DTM06	Khoa Thương mại và Du lịch	2,90	89,80	Khá
1209	2121011803	Trần Tấn	Giàu	CLC_21DTM06	Khoa Thương mại và Du lịch	3,05	80,70	Khá
1210	2121012670	Nguyễn Đình Trung	Hiếu	CLC_21DTM06	Khoa Thương mại và Du lịch	2,67	74,20	Khá
1211	2121012515	Huỳnh Lâm Trí	Khanh	CLC_21DTM06	Khoa Thương mại và Du lịch	3,16	70,90	Khá
1212	2121008208	Lý Quốc	Nam	CLC_21DTM06	Khoa Thương mại và Du lịch	3,03	65,40	Khá
1213	2121011518	Nguyễn Thị Yến	Nhi	CLC_21DTM06	Khoa Thương mại và Du lịch	2,75	69,50	Khá
1214	2121001742	Thị Chấn	Thành	CLC_21DTM06	Khoa Thương mại và Du lịch	2,96	76,30	Khá

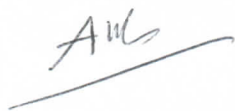
Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Khoa	KQHT	KQRL	Danh hiệu
1215	2121010379	Phạm Ngọc Minh	Thư	CLC_21DTM06	Khoa Thương mại và Du lịch	3,20	71,70	Khá
1216	2121008118	Phạm Thị Minh	Thư	CLC_21DTM06	Khoa Thương mại và Du lịch	3,00	74,30	Khá
1217	2121006810	Nguyễn Hồ Quốc	Tính	CLC_21DTM06	Khoa Thương mại và Du lịch	2,67	72,60	Khá
1218	2121008111	Trác Ngọc	Tuyết	CLC_21DTM06	Khoa Thương mại và Du lịch	3,02	86,70	Khá
1219	2121008516	Lê Thái Thảo	Vy	CLC_21DTM06	Khoa Thương mại và Du lịch	3,04	80,00	Khá
1220	2121012691	Trần Khánh	Vy	CLC_21DTM06	Khoa Thương mại và Du lịch	2,95	70,20	Khá
1221	2121012364	Phạm Lan	Anh	CLC_21DTM07	Khoa Thương mại và Du lịch	2,94	76,80	Khá
1222	2121011808	Nguyễn Tuyết	Hạ	CLC_21DTM07	Khoa Thương mại và Du lịch	2,73	73,80	Khá
1223	2121013031	Lê Thanh	Huệ	CLC_21DTM07	Khoa Thương mại và Du lịch	3,27	78,50	Khá
1224	2121013412	Bùi Ngọc	Hương	CLC_21DTM07	Khoa Thương mại và Du lịch	3,26	77,00	Khá
1225	2121011564	Phạm Hồ Minh	Kim	CLC_21DTM07	Khoa Thương mại và Du lịch	2,77	86,90	Khá
1226	2121013003	Nguyễn Hữu	Luân	CLC_21DTM07	Khoa Thương mại và Du lịch	2,90	66,00	Khá
1227	2121013048	Nguyễn Ngọc Lưu	Ly	CLC_21DTM07	Khoa Thương mại và Du lịch	3,19	76,20	Khá
1228	2121011541	Nguyễn Hoàng Hà	My	CLC_21DTM07	Khoa Thương mại và Du lịch	3,19	84,10	Khá
1229	2121013273	Bùi Võ Thiên	Ngân	CLC_21DTM07	Khoa Thương mại và Du lịch	3,19	84,70	Khá
1230	2121012921	Trương Bảo	Ngọc	CLC_21DTM07	Khoa Thương mại và Du lịch	3,04	90,30	Khá
1231	2121011876	Đặng Thiên	Nhi	CLC_21DTM07	Khoa Thương mại và Du lịch	2,85	78,20	Khá
1232	2121011880	Huỳnh Thúy	Nhi	CLC_21DTM07	Khoa Thương mại và Du lịch	2,97	82,60	Khá
1233	2121012077	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	CLC_21DTM07	Khoa Thương mại và Du lịch	3,00	80,30	Khá
1234	2121013647	Lê Như	Quỳnh	CLC_21DTM07	Khoa Thương mại và Du lịch	3,19	87,60	Khá
1235	2121011897	Đoàn Huỳnh Phương	Thảo	CLC_21DTM07	Khoa Thương mại và Du lịch	2,74	76,70	Khá
1236	2121013277	Nguyễn Thị Phương	Thảo	CLC_21DTM07	Khoa Thương mại và Du lịch	2,67	71,30	Khá
1237	2121011914	Nguyễn Minh	Thư	CLC_21DTM07	Khoa Thương mại và Du lịch	2,79	80,80	Khá
1238	2121012018	Hồ Thị Minh	Trang	CLC_21DTM07	Khoa Thương mại và Du lịch	2,62	82,10	Khá
1239	2121012021	Lê Thị Huyền	Trang	CLC_21DTM07	Khoa Thương mại và Du lịch	2,80	89,60	Khá
1240	2121012763	Trần Thanh Bảo	Vy	CLC_21DTM07	Khoa Thương mại và Du lịch	3,17	89,00	Khá
1241	2121013611	Nguyễn Đặng Phương	Anh	CLC_21DTM08	Khoa Thương mại và Du lịch	3,16	90,90	Khá
1242	2121011633	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	CLC_21DTM08	Khoa Thương mại và Du lịch	3,07	83,10	Khá
1243	2121012685	Bùi Minh	Hằng	CLC_21DTM08	Khoa Thương mại và Du lịch	2,94	84,10	Khá

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Khoa	KQHT	KQRL	Danh hiệu
1244	2121011988	Tạ Huỳnh Nhật	Huy	CLC_21DTM08	Khoa Thương mại và Du lịch	3,25	73,80	Khá
1245	2121011994	Vũ Thái	Huy	CLC_21DTM08	Khoa Thương mại và Du lịch	3,53	73,20	Khá
1246	2121012187	Lê Thanh Khánh	Linh	CLC_21DTM08	Khoa Thương mại và Du lịch	2,97	69,80	Khá
1247	2121013538	Trần Tuệ	Ngân	CLC_21DTM08	Khoa Thương mại và Du lịch	3,10	78,90	Khá
1248	2121012833	Lê Uyên	Nhi	CLC_21DTM08	Khoa Thương mại và Du lịch	3,07	76,10	Khá
1249	2121011830	Lâm Tuấn	Phát	CLC_21DTM08	Khoa Thương mại và Du lịch	2,81	75,70	Khá
1250	2121012820	Võ Nguyễn Minh	Phát	CLC_21DTM08	Khoa Thương mại và Du lịch	3,28	76,00	Khá
1251	2121012656	Trần Thị Mỹ	Phượng	CLC_21DTM08	Khoa Thương mại và Du lịch	2,99	73,30	Khá
1252	2121013359	Trương Lê Thủy	Tiên	CLC_21DTM08	Khoa Thương mại và Du lịch	3,03	71,20	Khá
1253	2121013084	Trần Thị Thanh	Trúc	CLC_21DTM08	Khoa Thương mại và Du lịch	3,03	73,80	Khá
1254	2121013066	Nguyễn Anh	Vy	CLC_21DTM08	Khoa Thương mại và Du lịch	3,16	86,10	Khá
1255	2121012538	Bùi Tâm	An	CLC_21DTM09	Khoa Thương mại và Du lịch	2,91	72,40	Khá
1256	2121011634	Đào Thị Thanh	Diệu	CLC_21DTM09	Khoa Thương mại và Du lịch	2,96	68,70	Khá
1257	2121013401	Phan Thanh	Hưng	CLC_21DTM09	Khoa Thương mại và Du lịch	2,82	85,10	Khá
1258	2121013693	Nguyễn Gia	Huy	CLC_21DTM09	Khoa Thương mại và Du lịch	3,19	66,90	Khá
1259	2121013125	Vòng Ngọc	Lan	CLC_21DTM09	Khoa Thương mại và Du lịch	2,96	81,40	Khá
1260	2121012176	Huỳnh Thị Nhật	Linh	CLC_21DTM09	Khoa Thương mại và Du lịch	3,11	80,80	Khá
1261	2121012188	Mai Khánh	Linh	CLC_21DTM09	Khoa Thương mại và Du lịch	2,75	72,10	Khá
1262	2121012150	Lê Ngọc Khánh	Loan	CLC_21DTM09	Khoa Thương mại và Du lịch	3,15	84,50	Khá
1263	2121012508	Lâm Thị Ngọc	Sang	CLC_21DTM09	Khoa Thương mại và Du lịch	3,06	75,10	Khá
1264	2121013656	Hoàng Kim	Son	CLC_21DTM09	Khoa Thương mại và Du lịch	3,09	82,30	Khá
1265	2121011785	Tạ Thị Thu	Thủy	CLC_21DTM09	Khoa Thương mại và Du lịch	3,01	85,80	Khá
1266	2121012769	Huỳnh Anh	Tú	CLC_21DTM09	Khoa Thương mại và Du lịch	3,03	67,50	Khá
1267	2121012770	Hoàng Châu Gia	Tuệ	CLC_21DTM09	Khoa Thương mại và Du lịch	3,17	73,80	Khá
1268	2121012392	Hoàng Công	Túy	CLC_21DTM09	Khoa Thương mại và Du lịch	3,21	69,20	Khá
1269	2121012122	Nguyễn Thị Lam	Tuyền	CLC_21DTM09	Khoa Thương mại và Du lịch	3,24	78,10	Khá
1270	2121012865	Vũ Ngọc	Dũng	IP_21DKQ01	Khoa Thương mại và Du lịch	3,06	75,80	Khá
1271	2121012306	Hà Xuân	Hoàng	IP_21DKQ01	Khoa Thương mại và Du lịch	3,21	74,70	Khá
1272	2121011708	Hồ Kim	Ngân	IP_21DKQ01	Khoa Thương mại và Du lịch	2,98	70,20	Khá

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Khoa	KQHT	KQRL	Danh hiệu
1273	2121013922	Huỳnh Hy	Ngọc	IP_21DKQ01	Khoa Thương mại và Du lịch	3,21	79,50	Khá
1274	2121013838	Đỗ Hồng	Nguyên	IP_21DKQ01	Khoa Thương mại và Du lịch	2,72	68,00	Khá
1275	2121012659	Đàm Thanh	Phương	IP_21DKQ01	Khoa Thương mại và Du lịch	3,01	77,50	Khá
1276	2121012997	Trần Thái	Thịnh	IP_21DKQ01	Khoa Thương mại và Du lịch	2,92	71,80	Khá
1277	2121009738	Nguyễn Lê Vĩnh	Tú	IP_21DKQ01	Khoa Thương mại và Du lịch	2,99	76,80	Khá
1278	2121013843	Đồng Thanh	Vinh	IP_21DKQ01	Khoa Thương mại và Du lịch	3,14	84,20	Khá
1279	2121013124	Văn Công Khánh	Lan	IP_21DKQ02	Khoa Thương mại và Du lịch	3,40	78,40	Khá
1280	2121012811	Đặng Minh	Thư	IP_21DKQ02	Khoa Thương mại và Du lịch	3,30	78,70	Khá
1281	2121011916	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	IP_21DKQ02	Khoa Thương mại và Du lịch	2,87	67,80	Khá
1282	2121013440	Nguyễn Hoàng Thiên Trúc		IP_21DKQ02	Khoa Thương mại và Du lịch	3,14	68,10	Khá
1283	2121009696	Lê Phương Minh	Như	IP_21DKQ03	Khoa Thương mại và Du lịch	2,84	74,50	Khá
	Cộng:	1283	sinh viên					

NGƯỜI LẬP

TP. CÔNG TÁC SINH VIÊN

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG


Thái Thị Lan Anh



Nguyễn Lai Dương Phong



Cao Tấn Huy